

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN

Publiée par l'Association Vietnam Fraternité - 7 allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France

Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication : Nguyễn Văn Huy

ISSN 11456-9557 - Số 241 - Năm thứ 22 - Tháng 11-2009

Liên lạc : Hộp thư Thông Luận (Internet) : hophu@thongluan.org

Mua báo : Nghiem Văn Thach, 7 Square Philippe Lebon, 77185 Lognes, France



Thi luận

Chúi đầu vào đống cát để khỏi nhìn thấy bế tắc

Trong tháng 10 vừa qua hai cuộc họp đáng lẽ rất quan trọng đã diễn ra một cách rất nghịch lý mà hầu như không ai để ý : hội nghị trung ương của Đảng Cộng Sản Việt Nam và khóa họp thường lệ của Quốc Hội.

Hội nghị Trung ương 11, khóa 10, của Đảng Cộng Sản Việt Nam diễn ra trong một thời điểm nghiêm trọng : chuẩn bị đại hội 11 vào giữa lúc mô thức kinh tế sao chép của Trung Quốc phải xét lại toàn bộ, sinh hoạt kinh tế xã hội bế tắc, nhiều vấn đề nghiêm trọng trì hoãn quá lâu đã đến lúc phải giải quyết. Thêm vào đó đảng hoàn toàn thiếu vắng những khuôn mặt lãnh đạo chấp nhận được cho đa số đảng viên, chưa nói tới lãnh đạo đất nước. Tuy vậy nó đã rất âm thầm, không có gì được thông báo cả ngoại trừ hai bài diễn văn khai mạc và bế mạc của tổng bí thư Nông Đức Mạnh và một bản thông báo hết thúc hội nghị.

Cả ba vấn kiện này đều không nói gì cả, chúng đều là những tài liệu rõ ràng. Tuy vậy chúng vẫn tố giác sự bế tắc tuyệt vọng. Tổng bí thư Nông Đức Mạnh nói : "phải đánh giá đúng thành tựu, yếu kém, thực chất tinh hình tư tưởng trong Đảng" và "để nghị các đồng chí phát huy tinh thần dân chủ, suy nghĩ độc lập và sáng tạo". Như thế có nghĩa là tư tưởng chính trị của đảng cộng sản đang ở trong tình trạng rất bi đát đòi hỏi phải được xét lại triệt để. Nhưng ngay sau đó ông lại nhấn mạnh "phải kiên định chủ nghĩa xã hội ; kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định vai trò lãnh đạo của Đảng". Vậy thì xét lại cái gì, suy nghĩ độc lập, sáng tạo ở chỗ nào ? Những lời tuyên bố ngớ ngẩn một cách khôi hài như vậy của người lãnh đạo cao nhất ngay giữa một hội nghị



trung ương đảng là một thói nhận hùng hồn rằng đảng cộng sản biết mình bế tắc nhưng không nhìn thấy giải pháp nào khác ngoài tiếp tục chúi đầu vào đống cát để khỏi nhìn thấy sự thực. Chúng đã không làm ai phi cười, vì không ai, kể cả đại số các đảng viên cộng

sản, còn để ý đến những gì đến những gì mà lãnh đạo đảng nói và làm.

Kỳ họp quốc hội thứ 6, khóa 12, là một mẫu mực của sự vô duyên nhảm chán. Báo chí đưa tin đại biểu này kiến nghị, đại biểu kia đề nghị v.v. Nhất là "ủy ban tài chính quốc hội dứt khoát đề nghị" giảm tỷ lệ bội chi ngân sách nhưng buổi họp đã "kết thúc sớm" sau khi ông bộ trưởng tài chính tuyên bố chính phủ vẫn bảo lưu ý kiến. Những sự kiện này chẳng ai để ý dù chúng rất kỳ cục : quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất, có quyền quyết định ngân sách, có cả quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm chính phủ mà lại chỉ dám đề nghị và kiến nghị với chính phủ, và thôi họp khi chính phủ cho biết đã quyết định xong.

Người ta không để ý là đúng, vì còn có những điều trάng tráo hơn nhiều. Khóa họp quốc hội này mở ra chỉ 11 ngày sau bốn vụ án chính trị thô bỉ, trong đó chín công dân vô tội bị xử những án tù nặng một cách dã man chỉ vì treo những biểu ngữ kêu gọi bảo vệ sự tự do của lãnh thổ, chống tham nhũng và thực hiện dân chủ, những lập trường mà chính nhà nước cộng sản cũng đã nhiều lần phát biểu. Đây là một hành động chà đạp trắng trợn lên chính luật pháp và một sự thô mạ đối với chính quốc hội, định chế trên danh nghĩa làm ra và bảo vệ luật pháp. Tuy vậy quốc hội đã không hề có phản ứng nào và cũng không hề có bất cứ một "đại biểu quốc hội" nào lên tiếng.

Không còn ai ngạc nhiên, dù để nỗi giận hay phi cười, trước những sự kiện vô lý một cách khôi hài như vậy vì một lý do giản dị : sự ly dị giữa dân chúng và chính quyền đã toàn diện và tuyệt đối.

Các chính quyền bạo ngược đều giống nhau ở một điểm là chúng yên tâm khi người dân thờ ơ mà không cần biết rằng sự thờ ơ đó che giấu một căm thù đang sôi sục. Chúng đều đánh giá thấp nhân dân. Chúng cũng giống nhau ở một điểm khác là không hồi tiếc sau đó, vì không kịp hồi tiếc.



Thông Luận

Ký sự

9-11-1989 : hồi ức một đêm lịch sử

Nguyễn Gia Kiêng

Khó có thể có ai theo dõi sự sụp đổ của Bức tường Berlin với nhiều cảm xúc hơn tôi. Lý do là đối với tôi, nó là sự đảo ngược của một biến cố khác mà tôi vẫn coi là biến cố mãnh liệt và bi thảm nhất trong đời mình : ngày 30-4-1975.

Trong cả hai trường hợp, trong vòng hai tháng các diễn biến đồn dập xảy tới, kết thúc nhanh chóng một cuộc xung đột dài, với sự sụp đổ hoàn toàn của một bên và sự toàn thắng của bên kia. Hai tháng 3 và 4-1975 đã là giai đoạn đen tối và tuyệt vọng mà tôi sẽ không bao giờ quên được. Tôi chứng kiến một cách bất lực sự sụp đổ trong hoảng loạn của một chế độ mà tôi đã cố bảo vệ dù thấy nó tồi tệ, để ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản mà tôi tin sẽ đưa đất nước đến đại họa nếu được thiết lập. Nhưng lịch sử đã quyết định một cách khác và tôi thấy như đời mình sụp đổ. Ngày 9-11-1989, ngược lại, tôi hân hoan chứng kiến một kết thúc mà mình đã ao ước, mong đợi và dự đoán. Lê phải đã thắng, sự tệ hại sau cùng đã được nhận diện đúng như là một sự tê hại và bị vất bỏ.



Lâu đài ở Le Touquet, Normandie, Pháp

Pierre rủ tôi tới lâu đài của gia đình hắn ở Le Touquet, trên bờ biển Normandie miền Tây-Bắc nước Pháp. Hắn là hậu duệ của một nguyên soái, bố mẹ hắn để lại cho anh em hắn một lâu đài và một trang trại rất lớn chung quanh. Chỉ có người em út, François, ở đó để coi lâu đài

và khai thác trang trại. Pierre và Jean, người anh lớn, giáo sư kinh tế đại học Lille, lâu lão mới về để nghỉ ngơi. Pierre học cùng trường với tôi và năm 1982 đã cho tôi việc làm trong công ty của hắn khi tôi từ Việt Nam sang Pháp mới được vài ngày. Tôi làm việc với Pierre ba năm rồi sang làm một công ty khác. Tuy vậy chúng tôi vẫn là bạn rất thân và gặp nhau thường xuyên bởi vì chúng tôi đều thích nói chuyện chính trị. Pierre thuộc cánh tả, theo đảng Xã Hội và trong giai đoạn chiến tranh Việt Nam ủng hộ phe cộng sản. Sau này hắn vẫn thuộc đảng Xã Hội nhưng thái độ đối với chủ nghĩa cộng sản đã thay đổi hẳn. Tôi chỉ có thể chấp nhận lời mời của Pierre vì ý định của hắn là để kỷ niệm sinh nhật của tôi và để cùng theo dõi những gì sắp xảy ra tại Berlin. Hắn nói : "Nhất định chế độ cộng sản Đông Đức sẽ sụp đổ trong một hai ngày nữa, tao nghỉ trọn một tuần để theo dõi biến cố này, Jean cũng sẽ có mặt". Thế là tôi cũng nghỉ một tuần để đem vợ con tới Le Touquet.

Lúc đó, đầu tháng 11-1989, tình hình ở Đức đang biến động lớn, bức tường Berlin không còn lý do tồn tại nữa. Mục đích của nó là để ngăn chặn làn sóng người Đông Đức muốn bỏ sang Tây Đức, nhưng từ mùa hè 1989 nó không còn công dụng nữa. Bằng một quyết định lịch sử chính quyền Hungary (Hung Gia Lợi) đã mở cửa biên giới với nước Áo từ tháng 5, và đến tháng 9 chính thức tuyên bố cho phép người Đông Đức có mặt tại Hungary được sang Tây Đức. Ngay sau đó hàng ngàn người Đông Đức dùng đường sắt từ Hungary qua Tây Đức mỗi ngày. Lúc đó Khối cộng sản Đông Âu đang tan vỡ. Ba

Lan đã trở thành một nước dân chủ từ tháng 8 với một chính quyền xuất phát từ công đoàn Solidarnosc ; Hungary dưới sự lãnh đạo của tân tổng bí thư Karoly Gosz từ tháng 2 đã tuyên bố chấp nhận dân chủ đa nguyên và ngày 23 tháng 10 chính thức tuyên bố chấm dứt chế độ cộng sản. Tuy vậy người ta vẫn chờ đợi sự sụp đổ của chế độ cộng sản Đông Đức vì sự sụp đổ này có một ý nghĩa đặc biệt, nó đánh dấu sự sụp đổ không phải chỉ của một chế độ cộng sản, như trường hợp Ba Lan và Hung, mà của chính chủ nghĩa cộng sản và phong trào cộng sản thế giới nói chung.

Trái với các nước Đông Âu khác, Đông Đức, với tên chính thức Cộng Hòa Dân Chủ Đức, không phải là một nước vẫn có từ trước mà là một nước hoàn toàn do chủ nghĩa cộng sản mà có. Nó được thành lập trên phần lãnh thổ Đức do Liên Xô chiếm đóng sau thế chiến II, với các lãnh tụ là những người cộng sản Đức lưu vong tại Liên Xô được Liên Xô đem về và trên nhiều khía cạnh còn kiên trì với chủ nghĩa Mác-Lênin hơn cả các lãnh tụ Liên Xô. Đông Đức không những chỉ là đứa con chính thống mà còn là niềm hân hoan diện của phong trào cộng sản thế giới, nó được khoe khoang như là một mẫu mực thành công của chủ nghĩa cộng sản. Sự sụp đổ của nó vì thế cũng là sự sụp đổ của chính chủ nghĩa cộng sản và phong trào cộng sản thế giới.

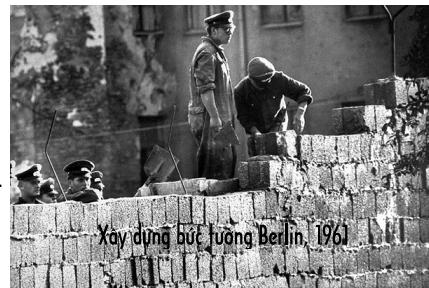
Nếu Đông Đức là biểu tượng của chủ nghĩa cộng sản thì bức tường Berlin là biểu tượng của Đông Đức. Nó không phải chỉ là một bức tường mà là cả một công trình phòng thủ kiên cố dài 155 km bao quanh thành phố Tây Berlin với hai lớp tường cao 3,6 mét, trên 300 trạm canh, 14.000 lính biên phòng và hàng ngàn chó nghiệp vụ. Nó đã được khởi sự xây dựng từ ngày 12-8-1961 để ngăn chặn là dòng người bỏ sang Tây Đức và như một biểu tượng của quyết tâm thử sức với khối tư bản.

Berlin đã là một trận tuyến cốt lõi của cuộc tranh hùng giữa hai phe tư bản và cộng sản. Năm sâu trong lãnh thổ Đông Đức, Tây Berlin đã là một biểu tượng của tự do và dân chủ ngay trong lòng khối cộng sản. Nó đã thành công mỹ mãn và cho đến khi bức tường được dựng lên đã thu hút hơn ba triệu người Đông Đức, đa số thuộc thành phần tinh nhuệ có học thức và tay nghề cao. Dư luận gọi đó là cuộc bỏ phiếu bằng chân. Đông Đức mất máu và phong trào cộng sản thế giới bị lố bịch hóa. Mỗi ngày hàng trăm người kéo nhau sang Tây Berlin với những chuyện kể như nhau về thực trạng bi đát trong thiên đường cộng sản. Tình trạng không thể tiếp tục. Khối cộng sản đã bối rối và phản ứng một cách dữ tợn. Khruschev có lúc đã đe dọa chiến tranh nguyên tử nếu Hoa Kỳ và đồng minh không chịu rút lui khỏi Tây Berlin. Thế giới đã sống những giờ phút rất căng thẳng và hồi hộp.

Khi bức tường Berlin được dựng lên người ta biểu tình phản đối khắp nơi, gọi nó là bức tường ô nhục, nhưng trong thâm tâm thế giới đã thở phào nhẹ nhõm vì đã thoát được một



Thành phố Berlin trước 1989 : Đông và Tây



Xây dựng bức tường Berlin, 1961



cuộc thế chiến. Bức tường Berlin có nghĩa là Liên Xô đã lùi bước, chấp nhận sự tồn tại của thành phố Tây Berlin ngay giữa lòng khối cộng sản và chỉ cố gắng cô lập nó mà thôi. Từ đó, Tây Berlin bị cô lập với Đông Đức, những cố gắng vượt tường trở thành vô cùng hiểm nghèo. Trong 28 năm đã có hơn 5.000 người dù muu trí và may mắn sang được Tây Berlin nhưng số người thất bại và phải trả giá bằng tù tội và trù dập sau đó, có khi băng tinh mạng, còn cao hơn nhiều và số người thiệt mạng trong lúc vượt tường đã lên tới trên một ngàn người. Xây xong bức tường, Liên Xô đã dồn sức lực và của cải giúp Đông Đức vươn lên tranh đua với Tây Đức ; bộ máy tuyên truyền của cả khối cộng sản được huy động để mô tả Cộng Hòa Dân Chủ Đức như là bằng chứng của sự hòn hỏi của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản. Berlin vẫn là một mặt trận lớn và một điểm nóng của chiến tranh lạnh.

Quả thực là Đông Đức đã thành công hơn các nước cộng sản khác, nhưng nó vẫn còn thua rất xa Tây Đức và sau cùng thì sự thua kém này không thể che đậy được nữa vì hai lý do, một là không có tuyên truyền đối trá nào có thể kéo dài mãi mãi, hai là từ cuối thập niên 1960 trở đi các kỹ thuật truyền thông đột ngột phát triển mạnh mẽ, chọc thủng mọi bức tường bưng bít dù kiên cố đến đâu, kể cả bức tường Berlin. Sang thập niên 1980 các cố gắng phá sóng trở thành vô hiệu quả, phần lớn các gia đình Đông Đức đều đã có thể bắt được các đài truyền hình Tây Đức. Chính quyền Đông Đức đã phải chấp nhận để dân chúng tự do bắt các đài truyền thanh và truyền hình Tây Đức. Đây là cuộc đấu hàng đầu tiên dọn đường cho một cuộc đấu hàng toàn bộ.

Ngày 7-10-1989, khi Gorbachev tới Berlin để dự lễ quốc khánh thứ 40 của Cộng Hòa Dân Chủ Đức, ông đã xung đột ngay với ban lãnh đạo ngoan cố của đảng cộng sản Đông Đức và được những đoàn biểu tình đông đảo đòi dân chủ hoan hô như một ân nhân. Hai ngày sau, tại Leipzig, hơn 70.000 người Đông Đức biểu tình đòi dân chủ, một lực lượng cảnh sát vũ trang hùng hậu được huy động tới. Thế giới nín thở, một cuộc tắm máu có thể xảy ra, nhất là người lãnh đạo Đông Đức lúc đó lại là một nhân vật cực kỳ hắc ám, Erich Honecker, chính con người đã chỉ huy việc xây dựng bức tường Berlin 28 năm về trước. Nhưng cảnh sát đã nhận hoa của đoàn người biểu tình thay vì đàn áp và Honecker đã phải nhượng bộ. Tình hình từ đó thay đổi nhanh chóng, đồn dập, từng ngày. Ngày 18 tháng 10 Honecker từ chức nhường chỗ cho Egon Krenz.

Khi tôi tới Le Touquet gặp anh em của Pierre ngày 4 tháng 11 sự sụp đổ của chế độ cộng sản Đông Đức có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Pierre khoe rằng hắn đã dự trữ đầy đủ champagne để mừng biến cố này. Hắn còn nghĩ là nó có thể xảy ra đúng ngày mùng 8, ngày sinh của tôi. Lúc đó tình hình Đông Đức đang sục sôi, hàng ngày, hàng giờ các đài truyền hình liên tục đưa lên những cảnh dân chúng tụ tập khắp nơi, càng lúc càng đông với khí thế càng lúc càng lớn. Các ký giả và các nhà bình luận liên tục phân tích tình hình dưới mọi khía cạnh để đi tới cùng một kết luận : chế độ cộng sản Đông Đức và chủ nghĩa cộng sản đang

sống những giờ phút chót. Chúng tôi chỉ khôn đồng ý trên một điểm : Jean và tôi hoàn toàn tin tưởng là chính quyền Đông Đức sẽ đầu hàng êm thầm trong khi Pierre vẫn còn lo ngại một phản ứng điên khùng gây đổ máu. Hắn cho rằng chúng tôi quá lạc quan vì không ai có thể tiên đoán hành động của bọn ác ôn. Jean vẫn giữ nguyên lập trường : *"Nếu muốn đàn áp thì Honecker đã không từ chức. Egon Krenz thừa biết ông ta được đưa lên để đầu hàng chứ không phải chống trả, sẽ không có đàn áp"*. Pierre không hoàn toàn tin, dù hắn cũng hy vọng là như thế ; có những trường hợp mà người ta đưa ra một giả thuyết chỉ để hy vọng rằng mình sai. Tôi kết luận : *"Chắc chắn sẽ không có đổ máu vì một lý do giản dị là nếu có đổ máu thì chúng ta sẽ không thể uống rượu mừng và những chai Champagne của Pierre sẽ chẳng dùng vào việc gì"*. Lập luận này được cả Jean và Pierre coi là rất thuyết phục.

Trong suốt ba ngày, Jean, Pierre và tôi, ngoài những giờ chạy bộ cho dân gân cốt, ngồi dán mắt vào màn ảnh truyền hình tối tận đêm khuya theo dõi và bình luận các diễn biến. Tình hình liên tục thay đổi nhanh chóng nhưng biến cố mà chúng tôi chờ đợi, nghĩa là sự sụp đổ của chế độ cộng sản Đông Đức, vẫn chưa tới. Đến ngày mùng 8, các đài loan tin chính phủ Đông Đức từ chức và chưa có chính phủ mới. Chúng tôi đều tự hỏi như vậy có thể coi là chế độ cộng sản đã sụp đổ hay chưa, ý kiến chung là "gần

như thế nhưng chưa hẳn là thế". Lúc đó chúng tôi mới ý thức rằng chúng tôi đều nói tới sự sụp đổ của một chế độ mà không định nghĩa những tiêu chuẩn cho phép kết luận rằng chế độ đó đã sụp đổ. Sau một cuộc tranh cãi lý thuyết chúng tôi đồng ý trên một định nghĩa : một chế độ được coi là đã sụp đổ khi nó không còn kiểm soát được dân chúng nữa hay khi, dưới áp lực từ bên ngoài, những điều khoản cốt lõi trong bản hiến pháp của nó bị hủy bỏ. Dẫu vậy, đối với chúng tôi, ngày 8-11 vẫn là ngày mà chế độ cộng sản Đông Đức coi như đã chết và tối hôm đó chúng tôi cùng nâng ly chúc mừng nhân dân Đức.

Hôm sau, 9-11, đến lượt bộ chính trị đảng cộng sản Đông Đức (tên chính thức là Đảng Xã Hội Chủ Nghĩa Thống Nhất) từ chức tập thể. Thế là sau nhà nước đến lượt đảng cầm quyền không còn lãnh đạo. Chế độ Đông Đức không khác một người đã chết về mặt bệnh viện, vẫn còn thở nhưng đã mất hết nhận thức và phản xạ. Dẫu vậy vẫn có một cái gì đó chưa trọn vẹn khiến chúng tôi không thể hoàn toàn thỏa mãn.

Buổi tối hôm đó, sau khi thị trưởng Đông Berlin tuyên bố từ nay không còn giới hạn nào cho sự di chuyển giữa Đông và Tây Berlin nữa, hàng chục nghìn người Đông Đức đổ về trạm biên giới. Khi các bà đã sang phòng khác hoặc đi ngủ, Jean, Pierre và tôi vẫn còn hồi hộp theo dõi những cãi cọ càng lúc càng gay go giữa đám đông đòi vượt biên càng lúc càng bạo dạn và toán công an biên phòng càng lúc càng bối rối. Rồi Biến Cố tới. Đúng nửa đêm, viên sĩ quan trạm trưởng biên giới bơ vơ không biết phải làm gì và cũng không còn thượng cấp nào để nhận chỉ thị ra lệnh mở cửa biên giới. Bức tường Berlin đã sụp đổ !



Pierre la lên : "Ça y est, c'est fait !" (Rồi, xong rồi !), và Jean : "Le mur est tombé !" (Bức tường đã đổ !). Rồi cả ba chúng tôi đều im lặng, sững sờ trước cảnh một làn sóng người đổ qua biên giới trong khi một làn sóng người khác từ phía Tây tràn tới đón họ. Người ta ôm nhau la hét, cười và khóc vì sung sướng, nhiều người hát và nhảy múa, có người quỳ xuống trong một cảnh hạnh phúc diên loạn. Người phóng viên CNN nói như hét với giọng run vì xúc động nhưng tôi đã choáng váng chẳng còn nghe anh ta nói gì. Tôi chăm chú nhìn màn ảnh nhưng cũng chẳng ghi nhận được gì trong những hình ảnh và âm thanh tung bừng cuồng nhiệt đó. Tôi thấy cay mắt. Jean và Pierre chắc cũng không khác tôi vì họ cũng ngồi trơ ra đó như bị thôi miên. Chúng tôi hồi tinh dần dần nhưng không ai lên tiếng. Có những lúc không có gì để nói. Tự nhiên tôi hiểu thế nào là xúc động. Trong suốt bốn ngày thảo luận về sự sụp đổ của chế độ cộng sản Đông Đức, không ai trong chúng tôi chú ý đến bức tường Berlin. Ngay cả khi tìm cách định nghĩa những tiêu chuẩn để có thể nói chế độ này đã sụp đổ, chúng tôi cũng không hề nghĩ đến nó. Bây giờ thì chúng tôi hiểu sự sụp đổ bức tường Berlin có nghĩa là cả chế độ Đông Đức lẫn chủ nghĩa cộng sản đã sụp đổ và thế giới đã thay đổi. Lịch sử nhân loại sang trang ngay trước mắt chúng tôi trong một cảnh hân hoan cuồng nhiệt, làm chúng tôi diết người, té tái như bị sét đánh.

Sự im lặng chỉ chấm dứt khi François xông vào. Francois đẹp trai và vui sống một cách vô tư. Hắn la lớn : "Alors, qu'attendez-vous ? Où est le champagne ? Le mur est tombé !" (Các anh còn đợi gì ? Rượu đâu ? Bức tường đã đổ rồi !). Sự im lặng bỗng nhiên nhường chỗ cho tiếng cười nói và tiếng nút chai champagne nổ. Các bà ở phòng bên cũng sang nhập bọn, trừ vợ tôi đã đi ngủ sớm vì có con nhỏ. Pierre vội vã rót rượu cho mọi người. Đến lượt chúng tôi cũng la hét, chia vui với nhau, chúc mừng mọi người, chúc mừng nhân dân Đức, chúc mừng nhân loại. Rồi Jean và Pierre, có lẽ đã hối ý với nhau giữa lúc tôi không để ý, yêu cầu mọi người im lặng và trịnh trọng nâng ly : "A la démocratie au Vietnam !" (Chúc dân chủ cho Việt Nam !).

Đêm hôm đó Jean, Pierre và tôi thức rất khuya để xem cảnh thanh niên đập phá bức tượng, để bàn về Đông Âu và thế giới, về chủ nghĩa cộng sản và về phong trào cộng sản thế giới. Khi chúng tôi chia tay đi ngủ vì đã quá mệt, tôi mới nhận ra rằng trong suốt năm ngày tôi đã ngủ rất ít.

Tuy vậy tôi vẫn không ngủ được và thao thức suốt đêm như tôi đã không ngủ trong những ngày trước và sau 30-4-1975. Cảm xúc vẫn còn quá mạnh. Tôi suy nghĩ miên man về hai biến cố. Trên nhiều điểm chúng rất giống nhau. Quyết định mở cửa biên giới của chính phủ Hung đã có tác dụng của một sự sụp đổ bắt đầu đối với chế độ Đông Đức tương tự như việc thất thủ Phước Long tháng 1-1975, cuộc biểu tình Leipzig như việc thất thủ Buôn Mê Thuột. Vai trò của Egon Krenz không khác Dương Văn Minh. Sự sụp đổ

của chủ nghĩa cộng sản và phong trào cộng sản thế giới đối với tôi không phải là điều đáng ngạc nhiên. Tôi đã tiên liệu nó ngay từ đầu thập niên 1980, đã trình bày nó trong nhóm sáng



lập Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên như là một nhận định nền tảng của tổ chức và đã viết ra trong bài "Ta có thể thắng" đăng trên báo *Tự Do* năm 1986 (*). Các biến cố đã xảy ra không khác những tiên liệu của tôi, điều làm tôi trăn trọc là câu hỏi tại sao chúng ta lại sa vào ách cộng sản và chừng nào chúng ta mới ra khỏi. Càng suy nghĩ niềm hân hoan càng nhường chỗ cho sự băn khoăn.

Trong lịch sử thế giới, chưa có chủ nghĩa nào gây nhiều thảm kịch bằng chủ nghĩa cộng sản. Nó đã làm hàng trăm triệu người chết và đã gây những tác hại ghê gớm cho môi trường, đạo đức và con người. Nhưng điều vô lý và đáng buồn nhất là nó đã thành công rất lâu sau khi sự sai lầm của nó đã được chứng tỏ. Chế độ cộng sản đầu tiên được thiết lập tại Nga năm 1917 gần một nửa thế kỷ sau khi chủ nghĩa Marx đã bị vứt bỏ tại Tây Âu, quê hương của nó. Và nó đã được du nhập vào Việt Nam gần 30 năm sau khi đã gây ra những tội ác kinh khủng tại Liên Xô. Càng thiếu tư tưởng, các dân tộc càng là mồi ngon cho các sai lầm kinh khủng. Trái với huyền thoại được tạo ra và nuôi dưỡng, các đảng cộng sản không phải là những phong trào quần chúng. Chúng không được thành lập để tranh thủ hậu thuẫn quần chúng mà để lợi dụng một tình trạng khủng hoảng để cướp chính quyền. Trong suốt lịch sử của phong trào cộng sản thế giới chưa hề có một đảng cộng sản nào thắng một cuộc bầu cử lương thiện nào. Cũng chưa hề có một đảng cộng sản nào đem lại phồn vinh cho một quốc gia nào. Ở mọi nơi mà nó được thử nghiệm, chủ nghĩa cộng sản đã chỉ là nghèo khổ, khùng bố và tội ác. Sự kiện một chế độ cộng sản được thiết lập tại Việt Nam và tiếp tục tồn tại sau khi phong trào cộng sản thế giới đã tan rã và chủ nghĩa cộng sản đã sụp đổ là một điều rất không bình thường và phải chất vấn mọi người Việt Nam. Chúng ta là một dân tộc suy nhược tâm thần.



Bức tường Berlin sụp đổ đã là một cơ hội quý báu để người Việt xây dựng một nhà nước dân chủ nhưng chúng ta đã để lỡ cơ hội vì một bức tường dày đặc khác vẫn còn đó : di sản văn hóa và tâm lý của chính chúng ta, nó khiến chúng ta quan niệm một cách bệnh hoạn về đất nước, về chính trị và về hoạt động chính trị.

Trong bài viết năm 1986 đã nhắc tới ở phần trên, khi dự đoán sự sụp đổ của chủ nghĩa và phong trào cộng sản, tôi đã không mấy lạc quan về hạn kỳ dân chủ. Tôi cho rằng chúng ta sẽ có dân chủ sớm nhất là sau mười năm, nhưng cũng có thể là 25 năm. Hôm nay, khi tôi viết những dòng này, hai mươi năm đã trôi qua kể từ ngày bức tường Berlin sụp đổ, dự đoán bị quan sát trở thành quá lạc quan, gần như không tưởng. Vì tâm lý và văn hóa của chúng ta vẫn chưa thay đổi, những cố gắng nghiêm túc vẫn bị chìm đắm trong khói xô bồ của những động vọng vô nghĩa. Các thế hệ Việt Nam mai sau chắc chắn sẽ đánh giá rất thấp trí thức Việt Nam hôm nay. Trừ khi, nhờ một sự tĩnh ngộ và một sức bật mới, chúng ta đạp đổ được bức tường văn hóa và tâm lý cho đến nay đã giam hãm chúng ta trong sự bất lực.

Nguyễn Gia Kiểng



(*) "Ta có thể thắng", Nguyễn Gia Kiểng, *Tự Do* số 44, 16-6-1986. Bản nguyệt san Tự Do do ông Phạm Việt Tuyển làm chủ bút xuất bản tại châu Âu từ 1984 đến 1986.
Web Thông Luận có đăng lại bài này nhân dịp kỷ niệm 17 năm ngày bức tường Berlin sụp đổ : (<http://thongluan.org/vn/modules.php?name=News&file=article&sid=1234>)

Tham luận

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên không chống cộng

Viết Hoàng

Với các chế độ cộng sản thì chỉ có hai chiến tuyến : hoặc là ta hoặc là địch. Cộng sản không có khái niệm "trung lập". Mao đã từng nói rằng "những người không phải là bạn ta thì đều là địch". Cũng xuất phát từ tư tưởng "xóa bỏ giai cấp", và "chuyên chính vô sản" nên trong suốt thời kỳ cầm quyền của mình, các chế độ cộng sản đã gây ra cái chết cho hơn một trăm triệu người trên thế giới, trong đó phần lớn là người dân vô tội. Những người này không chống lại cộng sản mà chỉ đơn giản là không theo, không ủng hộ cộng sản.

Những người cộng sản Việt Nam sau hơn 60 năm cầm quyền vẫn không có gì thay đổi. Những ai không ủng hộ họ đều là thành phần chống đối. Vụ tấn công giáo dân Tam Tòa, xua đuổi các tu sinh ở Bát Nhã và mới đây là "dẹp bỏ" viện IDS... đều nói nêu bản chất cực đoan của họ, hoặc là ăn cắp, hoặc ngã về không.

Người dân Việt Nam nghĩ gì về tương lai của đất nước ?

Phần lớn người dân đều đã chán ngán chế độ nhưng không biết phải làm gì, ủng hộ ai, nên đành im lặng chịu đựng. Các quan chức cộng sản và những người ăn theo thì chống dân chủ đến cùng vì sợ mất quyền lợi, sợ bị trả thù. Trí thức Việt Nam thì đa số "ngậm miệng ăn tiền, mồm ni che tai", một số nhỏ khác mong muốn thay đổi tình hình đất nước bằng cách hợp tác và giúp chế độ cộng sản sửa sai dần dần như trường hợp viện IDS. Thế nhưng cho dù rất ôn hòa và thiện chí, họ vẫn bị chế độ "bức tử" thông qua nghị quyết 97 do thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ký. Một số tổ chức chính trị hải ngoại do hận thù chế độ cộng sản nên đã chỉ bày tỏ sự phẫn nộ và giận dữ, nhưng họ đã không làm gì để mang lại dân chủ cho Việt Nam, ngược lại họ còn bị chế độ cộng sản lợi dụng như là con "ngáo ộp" để hù dọa người dân trong nước thiếu thông tin.

Tất nhiên là tổ quốc sẽ không bao giờ quên những người con ưu tú và can đảm đã dám đấu tranh trực diện với chế độ, đó là những chiến sĩ dân chủ đã bị chế độ cộng sản kết án và giam cầm bởi những bản án bất công và vô lý. Những người đang ngày đêm bị sách nhiễu, phong tỏa, cô lập...

Đất nước sẽ đi về đâu ?

Nếu cứ tình trạng này tiếp diễn thì Việt Nam sẽ biến thành một dân tộc nô lệ. Nô lệ cho các nước khác, nô lệ cho chính những người Việt có thế lực, nô lệ và lưu vong ngay trên chính quê hương mình. Còn đảng cộng sản lãnh đạo thì không có tương lai nào cho dân tộc Việt Nam, đó là điều mà ai cũng thấy được.

Thế nhưng tương lai của đảng cộng sản thì thế nào ? Một người am hiểu chính trị Việt Nam nhận định rằng đảng cộng sản Việt Nam đang rất bế tắc, hội nghị 11 của ban chấp hành trung ương đảng đã khai mạc và kết thúc mà không hề có một thông báo gì mới. Hoàn toàn bế tắc và không có lối thoát.

Ông Nông Đức Mạnh trong diễn văn khai mạc vẫn khẳng khái "kiên định mục tiêu độc

lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định vai trò lãnh đạo của Đảng...". Điều này có nghĩa là cán bộ lý luận sẽ được tăng cường, những chuyên gia ý thức hệ sẽ có vai trò chủ chốt để cố hy vọng tìm ra giải pháp cho bài toán không có lời giải là làm thế nào để thay đổi mà không thay đổi gì cả.

Trong chiều hướng đó Nguyễn Phú Trọng, chủ tịch quốc hội, cựu trưởng ban lý luận trung ương, cựu giám đốc trường đảng Nguyễn Ái Quốc có mọi triển vọng trở thành tổng bí thư sau đại hội 11. Nguyễn Phú Trọng còn có "ưu thế" là xuất thân từ công an (chuyên lo về kiểm duyệt).

Một người khác cũng có chân dung tương tự như Nguyễn Phú Trọng, ít thành tích hơn nhưng có ưu thế là trẻ hơn cũng có hy vọng : Tô Huy Rứa, trưởng ban khoa giáo và lý luận trung ương.

Và nếu đã chọn một trong hai nhân vật này làm tổng bí thư thì mọi thay đổi nhân sự lãnh đạo khác đều chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Lúc đó những người kỳ cựu vẫn ở lại chức cũ cho tiện. Chỉ có điều là Nguyễn Tấn Dũng đã thất bại trên mọi mặt và bị chán ghét nên không làm thủ tướng được nữa, thôi thì "đành" làm chủ tịch nước để Trương Tấn Sang làm thủ tướng.

Trước tình hình bi đát đó những người Việt Nam yêu nước phải làm gì ?

"Chúng ta cần thay đổi" không còn là một khẩu hiệu mà là sự thôi thúc cho những cố gắng cuối cùng. Một tổ chức chính trị hùng mạnh, có cương lĩnh, có đội ngũ đoàn kết, là một tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp là giải pháp duy nhất cho mọi sự thay đổi ở Việt Nam trong lúc này.

Tổ chức đó là tổ chức nào ?

Đã quá muộn để "xuất hiện" hay "ra đời" một tổ chức chính trị mới để trong một thời gian ngắn có thể trở thành một tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp trong xã hội Việt Nam. Một dân tộc bị chia rẽ và mất đoàn kết là tất cả những gì mà chế độ cộng sản để lại cho chúng ta ngày hôm nay.

Nhà báo Lữ Giang (Hoa Kỳ) cho rằng ở hải ngoại chỉ có hai tổ chức chính trị "thật sự" đó là Việt Tân và Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên. Tôi muốn kể thêm Đại Việt và một hai tổ chức khác nữa, nhưng quả thực là con số các tổ chức có thực chất không còn bao nhiêu.

Là thành viên của Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên nên chúng tôi chỉ dám nói về tổ chức của mình. Chúng tôi không có tham vọng "độc quyền lãnh đạo đất nước", Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên không phải sinh ra để "chống cộng". Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên muốn Việt Nam thay đổi, chúng tôi tin rằng sẽ cùng với những người Việt Nam yêu nước đánh bại đảng cộng sản. Chúng tôi sẽ chiến thắng đảng cộng sản trong các cuộc bầu cử tự do và công bằng, khi mỗi người dân Việt Nam được quyền lựa chọn cho mình người lãnh đạo.



Vì sao chúng tôi có được niềm tin đó ? Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên được xây dựng trên trí tuệ, sự lương thiện, lòng bao dung và tha thứ.

Một xã hội Việt Nam xuống cấp về mọi mặt nếu thiếu "trí tuệ, sự lương thiện, lòng bao dung và tha thứ" thì không thể nào hàn gắn những đỗ võ mà chế độ cộng sản đã tạo ra suốt thời gian qua.

Từ Dự Án Chính Trị của Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên đến mỗi thành viên trong Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên hay các bài viết trên *Thông Luận*, báo *Tổ Quốc*... mọi người đều nhận thấy rằng chúng tôi là những người "lương thiện, bao dung và biết tha thứ", chúng tôi khuất từ bạo lực và không hận thù. Trong chuyến thăm Hoa Kỳ gần đây ông Nguyễn Gia Kiểng đã khẳng định rằng "Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên không được thành lập để chống cộng mà để đánh bại đảng cộng sản" ("Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên sẽ có mặt", *Thông Luận* số 240, tháng 10-2009).

Rất nhiều người ở Việt Nam như cán bộ ưu tú, cựu chiến binh... tuy không ưa gì chế độ cộng sản nhưng vẫn ngại sự thay đổi vì sợ mất đi tất cả như lương hưu, trợ cấp. Nhiều người còn lo sợ chế độ mới sẽ trùng phạt họ vì những việc sai trái mà họ đã làm khi còn đương chức... Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên khẳng định rằng sẽ không ai mất đi bất cứ một cái gì. Lương hưu và trợ cấp vẫn được duy trì, thậm chí phải có trợ cấp thêm cho những người chưa có : những người già cả, thương binh chế độ cộng hòa...

Sẽ không có các vụ án chính trị, mọi kiện tụng hay tranh chấp đều do các phiên tòa độc lập xét xử.

Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên sẽ cố gắng mang lại một sân chơi bình đẳng cho tất cả mọi người đang sinh sống ở Việt Nam. Chính quyền Việt Nam trong tương lai sẽ phải thể hiện ý chí và mong muốn của tuyệt đại đa số dân chúng.

Sẽ có người nghĩ rằng Đảng cộng sản đã thành công trong việc gây chán nản và làm mất lòng tin của mọi người vào đất nước, thế nhưng chúng tôi vẫn vững tin vào tương lai, vào sự trường tồn của dân tộc. Niềm tin này là bất diệt và sẽ đồng hành với những người con đang thao thức cho vận mệnh đất nước.

Cũng sẽ có người cho rằng chúng tôi quá nhỏ bé và thiếu thốn nhiều thứ còn đảng cộng sản vẫn hùng mạnh, chúng tôi thì tin rằng có thể phong trào dân chủ không mạnh nhưng đảng cộng sản đã đến hồi cuối của tiến trình đào thải.

Trong giai đoạn đặc biệt này của dân tộc, vai trò của những người trí thức, tầng lớp tinh hoa của dân tộc, thành phần "vẽ đường chỉ lối" cho nhân dân có vai trò rất quan trọng. Người dân bình thường không đủ thời gian và kiến thức để nhận biết đâu là tương lai thật sự của mình, phải ủng hộ ai hay phải làm gì. Trí thức Việt Nam phải là đầu tàu, là người dẫn dắt, là bạn đồng hành với nhân dân trên con đường tìm kiếm hạnh phúc và chân lý.

Bài học của viện nghiên cứu IDS (bị giải thể) sẽ khiến trí thức Việt Nam có những lựa chọn tích cực hơn thay vì cố thay đổi tư duy những người cộng sản lãnh đạo.

Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên sẵn sàng làm người lái đò đưa dân tộc Việt Nam sang sông. Chúng tôi không muốn một mình hành động mà muốn là nơi hội tụ cho những khát vọng thay đổi.

Hãy ủng hộ và đến với chúng tôi trong sứ mạng cao cả này. Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên là tập hợp của những con người có niềm tin, trí tuệ, sự lương thiện, lòng bao dung và tha thứ.

Việt Hoàng (Moskva)

Tham luận

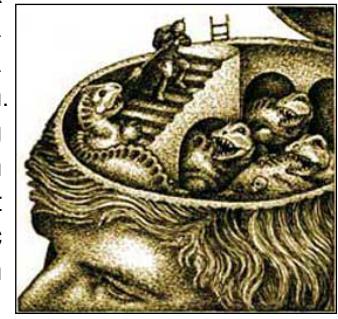
Bệnh cuồng hãi và tinh thần nhân sĩ

Nguyễn Gia Thường

Hội American Psychiatric Association (Hội Trị Bệnh Tâm Thần Hoa Kỳ) vừa cho xuất bản lần thứ tư Tập san y học tựa đề "*Diagnostic and Statistic Manual of Mental Disorders*", Fourth Edition (DSM-IV), xin tạm dịch là "Chẩn Bệnh và Thống Kê về Bệnh Tâm Thần, ấn bản lần thứ tư.

Có thể nói đây là quyển thánh kinh về phương pháp trị liệu những bệnh tâm thần thông thường. Trong đó có đề cập đến một bệnh mà một số không ít người Việt ti nạn mắc phải nhưng lại không biết mình mắc phải. Do tinh thần bị chấn thương quá nặng trong biến cố 30 tháng 4 năm 1975 nên khá nhiều người Việt trốn chạy chế độ cộng sản mắc phải bệnh này.

Một vài thí dụ : Ở đâu họ cũng thấy bàn tay lông lá của chế độ và nhà nước cộng sản nhúng vào mọi sinh hoạt của cộng đồng, những người tiếp tay cho chế độ cộng sản ở khắp mọi nơi. Họ ấm ức không đánh đổ được chế độ này. Trong lòng thì sợ chế độ nhưng không dám nói ra, khi ra ngoài thì dùng trò chụp mũ tất cả những ai mà họ không ưa thích là tiếp tay cho chế độ cộng sản. Những người này mắc chứng *Paranoia*, xin tạm dịch là bệnh Cuồng Hãi, nghĩa là lo sợ một cách cuồng dại và vô cớ vì lúc nào cũng cảm thấy thiên hạ tìm cách hãm hại mình.



Những biểu hiện của bệnh cuồng hãi

Làm thế nào để biết một người mắc bệnh cuồng hãi ? Theo Tập san y học DSM-IV, người mắc bệnh cuồng hãi có ít nhất bốn trong bảy triệu chứng sau đây :

1. Lúc nào cũng nghĩ kẻ khác đang lợi dụng mình, làm hại mình hoặc tìm cách đánh lừa mình một cách vô cớ.
 2. Lúc nào cũng sợ sệt hay nghi ngờ về sự trung thành và thân thiện của bạn bè và đồng nghiệp, nói chung nghi ngờ và sợ hãi tất cả những người mà đương sự tiếp cận.
 3. Không dám bộc lộ tâm tình với bất cứ một ai vì nghĩ rằng người ta sẽ dùng những lời tâmt sự đó để đánh phá lại mình.
 4. Lúc nào cũng thấy những ẩn ý hoặc chơi xấu hoặc có sự đe dọa trong những sự việc dù là rất tầm thường.
 5. Có tính thù dai, không dễ dàng tha thứ khi bị xúc phạm, bị chửi bới hoặc bị khinh thường.
 6. Lúc nào cũng nghĩ hay tưởng rằng người khác đang tìm cách tấn công vào mình hay hạ thấp uy tín của mình, do đó phải có những phản ứng giận dữ hoặc tìm cách trả đũa.
 7. Liên tục nghi ngờ một cách vô cớ về hạnh và tình nghĩa của người phối ngẫu.
- Trong thực tế bệnh này rất khó chữa, vì chính bệnh nhân không biết mình mắc bệnh này.
- Do náo loạn lúc nào cũng nghĩ rằng thiên hạ đang tìm cách chơi gác mình, chiếm phần hồn mình hay hãm hại mình, người mắc bệnh cuồng hãi thường có những phong cách sau đây :



1. Lúc nào cũng ở tư thế tự vệ : thái độ sợ hãi được hỗ trợ bởi sự nghi ngờ trong tất cả mọi lãnh vực của đời sống hàng ngày của đương sự. Thái độ này thể hiện qua sự khinh bỉ hay coi thường nhưng người mà đương sự cho rằng thấp kém hơn mình và đố kỵ với những ai mà đương nghĩ rằng giỏi hơn mình. Thái độ khinh khi và đố kỵ này thể hiện rõ rệt qua hành động.

2. Thổi phồng bản ngã một cách lộ liễu : đương sự thường đánh giá cao thành tích cá nhân của mình, và biểu lộ qua thái độ độc đoán rất rõ. Đương sự có tính kiêu ngạo, vị kỷ, luôn nghĩ lẽ phải thuộc về mình và muốn áp đặt ý muốn của mình lên trên người khác. Đương sự rất lấy làm hạnh diện khi được người khác nhìn mình như một người có óc khách quan, lạnh lùng và có lý trí, nhưng bị dư luận đánh giá là một người ít có tinh cảm.

3. Phán đoán sai lầm là một đặc tính khác : đương sự không biết tự phê, tuy lý luận có vẻ rất lô gíc nhưng trong thực tế những ý nghĩ chỉ dựa trên thành kiến nên không nhìn thấy bối cảnh toàn diện và khước từ những lý luận của người khác. Tất cả những lý luận cho dù tích cực hay tiêu cực đều bị người mắc bệnh cuồng hãi gặt phảng sang một bên, trường hợp này gọi là sơ cứng ý nghĩ.

4. Vì luôn luôn sống trong sự chờ đợi người ta hâm hại hay đánh lừa mình, đương sự dễ bị chạm nọc khi bị xúc phạm. Chính vì vậy đương sự luôn cảm thấy bị ruồng bỏ, không được đánh giá cao trong vị trí của mình, do đó dễ dàng cảm thấy bị chạm tự ái, cô đơn trong công việc và lúc nào cũng than phiền là chỉ có một mình mình làm.

Tinh thần nhân sĩ của người Việt Nam

Trở lại với sinh hoạt của người Việt hải ngoại, các nhân sĩ Việt Nam không thích tham gia vào những sinh hoạt có tổ chức và để lộ một số triệu chứng của bệnh cuồng hãi.

Một vài thí dụ : Họ thường tự cho mình có nhiều khả năng vượt trội hơn người khác nên không phục tùng bất cứ ai. Họ phải là người lãnh đạo chính thống vì tên tuổi đã được biết đến và lập được nhiều thành tích. Tư cách lãnh đạo của họ không thể đem ra bàn cãi vì đương nhiên là lãnh tụ và mọi người phải chấp nhận. Vì không gia nhập tổ chức nào nên họ tự thành lập ra một tổ chức, và trong nhiều trường hợp chính họ là chủ tịch và cũng là thành viên duy nhất. Nếu có tham gia tổ chức, họ cũng chỉ làm công việc quan sát, theo dõi hành động của những người khác trong tổ chức để khi có cơ hội liên tìu cách tự đề cao mình, tạo cho mình hình ảnh một lãnh tụ mà mọi người phải tôn sùng. Họ bất chấp tình cảm của những thành viên khác trong tổ chức, họ chỉ biết mỗi một mình họ mà thôi. Khi sự huênh hoang đã quá lộ liễu, không khí sinh hoạt của tổ chức trở nên nặng nề, sự trong sáng trong quan hệ và hòa khí trong tổ chức không còn nữa, hậu quả là mọi công tác của tổ chức bị đình trệ. Sau cùng vị nhân sĩ đó rời bỏ tổ chức và than trách phận là không ai nhận ra tài năng của mình. Não trạng của vị nhân sĩ đó đã bị bệnh cuồng hãi xâm chiếm nặng.

Người mắc bệnh cuồng hãi nhìn đâu cũng thấy có người muốn hâm hại mình. Bất cứ hành động nào của người hay tổ chức khác cũng đều cho là để hâm hại mình. Từ sự sợ hãi đó, họ có những phản ứng điên cuồng như chụp mũ hay gán ghép cho người khác những suy nghĩ và hành động mà người đó không có. Vì mang bệnh cuồng hãi nên còn rất nhiều người

Việt hải ngoại cho đến nay vẫn

không chấp nhận chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc và cho rằng chủ trương này là dấu hàng cộng sản, rồi vào bẫy của cộng sản. Trong thâm tâm những nhóm người này, họ dứt khoát muốn dùng bạo lực để tiêu diệt cộng sản mà không cần biết có phương tiện và khả năng hay không. Họ không cần đọc hay tìm hiểu những khía cạnh tích cực của chủ trương này.

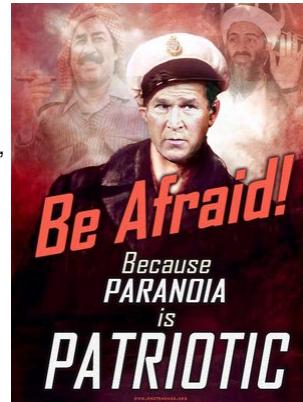
Mục đích của hòa giải là đòi lại công lý và đem công bằng đến cho tất cả những ai đã từng là nạn nhân của chủ thuyết cộng sản. Tại Việt Nam, trong thực tế, không một người nào đã không một lần là nạn nhân của chế độ cộng sản, kể các đảng viên và công bộc của nhà nước. Chính vì thế, hòa giải là đấu tranh để đòi lại công bằng và lẽ phải cho những ai từng là nạn nhân của sự phân biệt đối xử. Có công bằng mới có hòa giải. Không có công bằng thì không thể có thể hòa giải.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên buộc chế độ cộng sản phải hòa giải, chứ không xin ân huệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Trong khi đó, đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam không ngừng lèn tiếng chống "diễn biến hòa bình", "hòa giải dân tộc". Rõ ràng là đảng cộng sản đang chống lại hòa giải nhưng trước sau gì họ cũng phải nhượng bộ vì đó con đường tất yếu phải tới nếu còn muốn nhắc đến tên Việt Nam. Trong thực tế, đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam không muốn hòa giải vì hòa giải là nhìn nhận những sai lầm đã gây ra cho dân tộc và cho đất nước. Có nhận tội thì mới có tha lỗi. Hòa giải chính là tha lỗi để tìm lại tình anh em, nghĩa bạn bè mà đảng cộng sản đã đánh mất trong gần nửa thế kỷ qua.

Trong tiến trình xây dựng tổ chức để đấu tranh, những nhân sĩ mắc bệnh cuồng hãi thường khó hòa nhập với những người đứng cùng một tổ chức, vì luôn luôn tự coi mình là bế trên, kẻ cả vì có nhiều tài năng và thành tích hơn những người khác. Đương sự rất chú trọng đến chức vụ và dùng hết mọi nỗ lực để bảo vệ chức vụ của mình. Đương sự sẵn sàng gạt bỏ tình cảm riêng tư để đạt mục đích vì đối với đương sự, tình cảm giữa những cộng tác viên trong cùng một tổ chức chỉ là những chuyện vụn vặt không quan trọng. Đương sự cũng sẵn sàng dùng bạo lực ngôn ngữ để trấn áp người khác mỗi khi cảm thấy bị đe dọa hay cảm thấy bị xúc phạm. Sau cùng đương sự muốn áp đặt ý nghĩ của mình lên mọi người khác mà hậu quả cuối cùng là mọi sinh hoạt của tổ chức bị đình trệ. Nhiều tổ chức đã tan vỡ chỉ vì có quá nhiều nhân sĩ cuồng hãi trong tổ chức, nhiều người đã trở thành thù địch trong cuộc sống mặc dù trước đó không lâu cùng là thành viên trong một tổ chức.

Một tổ chức muốn tiến xa và phát triển bền vững, mỗi thành viên phải chứng tỏ cho người ngoài thấy tinh thần tương thân tương ái giữa những người trong cùng tổ chức và từ đó gây tin tưởng cho những ai muốn gia nhập vào tổ chức. Yếu tố đơn giản này đã được kiểm nghiệm ở mọi thời điểm và ở khắp mọi nơi.

Cho đến nay ngành y khoa chưa tìm ra một phương pháp thỏa đáng để chữa trị bệnh cuồng hãi, vì đây là một căn bệnh tâm lý, nhất là bệnh nhân không bao giờ nhận là mình mắc bệnh này. Người mắc bệnh này sống trong sự bế tắc không lối thoát. Và có lẽ đó cũng là lý do khiến những nhân sĩ Việt Nam hải ngoại chưa thể ngồi lại với nhau để xây dựng một tổ chức mạnh. Chính vì thế mà Phong trào dân chủ của người Việt Nam chưa thành công dù đã có rất nhiều cơ hội.



PARANOIA

You're not cleared for that, citizen.

Nguyễn Gia Thưởng (Brussels)

Thời sự Đông Á

Bảo vệ Tân Cương : một thử thách lớn đối với Bắc Kinh

Nguyễn Minh

Ngày 12-10-2009, tòa án nhân dân Urumqi đã tuyên án tử hình 6 người Uighur về tội giết người và nhiều án tù từ chung thân đến 15 năm tù cho những người khác về tội tham gia cuộc bạo động ngày 5-7-2009 tại Urumqi, thủ phủ tỉnh Tân Cương. Người ta dự đoán sẽ còn nhiều bản án nặng nề khác được công bố trong những ngày sắp tới. Hơn một ngàn người đã bị bắt sau cuộc bạo động.

Cũng nên biết gần 200 người đã bị thiệt mạng trong các cuộc xuống đường và hơn một ngàn người đã bị bắt sau ngày 5-7-2009. Từ cuối tháng 9 đến giữa tháng 10-2009, công an và các lực lượng an ninh đã phong tỏa toàn bộ khu vực chung quanh tòa án nhân dân Urumqi và hơn 14.000 dân sự gốc Hán được huy động đến tuần tiễu ngày đêm phòng ngừa những cuộc đột kích của người Uighur vào khu vực tòa án. Điều này cho thấy chính quyền Tân Cương rất lo ngại những cuộc xuống đường bạo động khác lớn hơn có thể xảy ra trong ngày xử án.

Tại sao phải lo sợ ? Có rất nhiều giải thích. Tân Cương là một thử thách lớn đối với Bắc Kinh trong những ngày sắp tới.

Tân Cương : địa bàn chiến lược về kinh tế lẫn quân sự

Tân Cương là một tỉnh biên cương phía tây-bắc Trung Quốc, với một đường biên giới dài trên 5 300 km, giáp ranh với 8 quốc gia lớn : Mông Cổ, Nga, Kazakhstan, Kirghizistan, Tadjikistan, Afghanistan, Pakistan và Ấn Độ.

Tân Cương còn là tỉnh có diện tích rộng lớn nhất nước : 1,66 triệu km², nhưng hơn phân nửa lãnh thổ là sa mạc và núi non, những vùng đất trống trót và cát ngụy được tập trung dọc những dòng sông lớn : Tarim, Irtych... nhưng đang bị ô nhiễm đe dọa vì nhu cầu kinh tế. Tuy có một diện tích lớn, tỷ lệ dân số tại đây lại ít nhất nước : 25 triệu người, trong đó 45,6% là người Uighur Hồi giáo, 40,5% là người Hán, số còn lại là những sắc tộc khác. Cũng nên biết tỷ lệ dân số gốc Hán năm 1949 là 6% nhưng từ năm 2000 trở lại đây, do nhu cầu phát triển kinh tế, đã tăng hơn 40%. Đa số người Hán sống tập trung trong 12 thành phố lớn và sinh sống bằng nghề buôn bán và khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Trước năm 2000, nguồn lợi kinh tế chính của Tân Cương là nông nghiệp,. Gần đây, do nhu cầu tìm kiếm tài nguyên thiên nhiên để phát triển, Bắc Kinh đã sửa sang lại hạ tầng cơ sở, hệ thống đường bộ và đường sắt đã được canh tân để gia tăng lượng hàng chuyên chở hai chiều từ các nước láng giềng (Afghanistan, Pakistan, Tajikistan) ra vào Trung Quốc.

Về vai trò chiến lược kinh tế và chính trị, Tân Cương quan trọng hơn Tây Tạng gấp nhiều lần. Khu tự trị Tân Cương nằm trong vùng chính sách đại khai thác miền Tây của Trung Quốc được tiến hành từ năm 2000 nhằm làm đòn bẩy để phát triển một khu vực lục địa rộng lớn từ khu biên giới Afghanistan và Pakistan tới Vân Nam, vốn phát triển chậm so với vùng duyên hải Nam Hoa. Hơn thế nữa, khu tự trị Tân Cương còn là cửa ngõ vận chuyển hàng hóa và năng lượng nhập khẩu từ các nước Trung Á, Nga, châu Âu vào Trung Quốc, không qua các hải cảng vừa tốn kém vừa không an toàn. Năm 2005, ống dẫn dầu số 1 dài 988 km nối liền Atasu (Kazakhstan) với Alashankou (Tân Cương) đã đi vào hoạt động. Bắc Kinh dự trù sẽ hoàn tất một ống dẫn dầu khác khổng lồ hơn, dài

3000 km, nối liền vùng biển Caspian vào nội địa Trung Quốc vào năm 2011.

Về tài nguyên thiên nhiên dưới lòng đất, trong số 138 quặng mỏ tìm thấy trong nội ba tỉnh tự trị Tây Tạng, Tân Cương và Ninh Hải, gồm than, sắt, đồng, kẽm, chì, vàng, bạc, nickel, cobalt, manganese, chrome, lithium, uranium..., Tân Cương dẫn đầu về trữ lượng 5 loại, 25 loại vào hạng top 5, 40 loại vào hạng top 10. Tân Cương có mỏ đồng lớn nhất nước cung cấp hơn 20% nhu cầu toàn quốc (5% do các nơi khác, 75% còn lại do nhập khẩu), mỏ than chiếm 40%, dầu và khí đốt chiếm 30% trữ lượng toàn quốc. Nhiều bọc dầu và khí đốt vừa được khai phá trong vùng Aksu và Karamay.

Nhờ những mỏ quặng này, Tân Cương trở thành đầu tàu trong việc mở rộng vành đai công nghiệp ở vùng biên giới tây-bắc gồm các ngành lọc dầu, luyện thép, hóa học, cơ khí. Cán cân thương mại của Tân Cương lúc nào cũng thặng dư, năm 2008 tổng số hàng hóa xuất khẩu là 19,3 tỷ USD trong khi số hàng nhập khẩu là 2,9 tỷ USD, nghĩa là mỗi năm thu về hơn 17 tỷ USD ngoại tệ. Lợi tức bình quân đầu người khoảng 2.900 USD/Năm. Thành tích này do sự thành lập nhiều cửa khẩu ưu đãi thuế tại Bole, Shihezi, Tacheng, Urumqi, Yining, và đặc biệt là tại Horgos trong khu vực biên giới với Kazakhstan.

Tuy nhiên những thành quả này đã không được phân chia đồng đều, tất cả đều do những người Hán nắm giữ, đặc biệt là quân đội với những binh đoàn sản xuất và xây dựng Tân Cương (bingtuan). Hiện nay những binh đoàn này tập trung vào 14 quân khu với 185 đơn vị, gồm 1,9 triệu người, làm việc trong 1500 tập đoàn công nghiệp thương mại và xây dựng, hai đại học, chiếm giữ hơn 1/3 diện tích canh tác, hơn một nửa thương vụ xuất khẩu. Hiện nay tập đoàn Xinjiang Chalkis Co Ltd đứng đầu thế giới về sản xuất ketchup. Gần như toàn bộ người Hán di cư vào Tân Cương đều làm việc trong những tập đoàn của quân đội, do đó thường có hành vi chèn ép hay khinh thường người Uighur địa phương.

Tân Cương là một vùng đất rộng dân thưa, hơn nữa lại nhiều núi non và sa mạc, nên Bắc Kinh dùng làm địa bàn để thử nghiệm những loại vũ khí giết người hàng loạt : từ 1961 đến nay 46 bom nguyên tử đã cho nổ thử nghiệm tại Lop Nor, gây ô nhiễm môi trường, đất, nước, thực vật và thức ăn) và làm hơn 200.000 người Uighur chết vì nhiễm phóng xạ. Theo một điều tra bí mật gần đây (30-3-2009) do một nhóm khoa học gia người Anh, số người mắc bệnh ung thư do nhiễm phóng xạ trong tỉnh Tân Cương rất cao (hơn 750.000 người).

Tân Cương : địa bàn văn hóa của chủng tộc đầy bất trắc

Tân Cương trước kia có tên là Turkestan phương đông. Sở dĩ có tên này vì dân cư bản địa tại đây mặc dù có nguồn gốc Hán Tạng, nhưng lại thuộc văn hóa thổ (turk). Turkestan là lãnh thổ của người Thổ. Quốc gia Turkey (Thổ Nhĩ Kỳ) hiện nay là Turkestan phương tây, Tân Cương là Turkestan phương đông.

Nằm giữa khu vực di lại giữa phương đông (Trung Hoa) và phương tây (châu Âu), gọi là "đường tơ lụa", dân cư Tân Cương đã chịu nhiều hòa trộn ngôn ngữ, tin ngưỡng và văn hóa, rồi trở thành một dân tộc riêng : Uighur (Duy Ngô Nhĩ) để không lầm với người Thổ (Turk) tại Thổ Nhĩ Kỳ.

Năm 1759, hoàng đế Càn Long dành cho vùng đất này qui chế chư hầu, với tên gọi Tây Xứ (Xiyu). Năm 1876, sau khi đánh bại cuộc nổi dậy của tầng lớp quý tộc Dzoungares, hoàng đế Quang Tự chính thức sát nhập vào lãnh thổ nhà Thanh, dưới tên gọi Tân Cương (Biên giới mới), và vẫn còn tiếp tục cho tới ngày nay. Năm 1911, nhà Thanh bị phe quốc hòa do Tôn Dật Tiên lãnh đạo lật đổ, người Uighur đã nhân cơ hội hai lần nổi lên giành độc lập (1933-1934 và 1944) với tên gọi Cộng hòa Turkestan phương đông, và là thành viên của Liên Bang Xô Viết.

Năm 1949, cộng hòa này được Mao Trạch Đông sát nhập vào lãnh thổ Trung Quốc, lãnh thổ nguyên thủy (rộng 1,82 triệu km²) bị cắt xén (còn 1,626 triệu km²) cho hai tỉnh khác : Ninh Hạ và Cam Túc bất chấp nguyệt vọng của dân cư bản địa. Mặc dù được gọi là khu tự trị nhưng từ 1949 tới nay, Bắc Kinh áp dụng chính sách cai trị trực tiếp, và đặt dưới quyền cai trị gián tiếp bởi quân đội. Các cấp lãnh đạo địa phương, đa số là người Hán thiểu số, đều do Bắc Kinh chỉ định. Cán bộ Uighur địa phương chỉ nắm giữ những chức vụ trung cấp, dân chúng Uighur gần như bị đẩy ra xa các khu vực trung tâm thành phố để tránh đụng chạm trực tiếp với người Hán di cư vì khác biệt tôn giáo và văn hóa. Năm 2002, ngôn ngữ Uighur bị cấm giảng dạy trong đại học, lệnh cấm này đang nói rộng vào cấp trung học và sau đó vào cấp tiểu học. Giáo lý đạo Hồi bị cấm giảng dạy cho những người dưới 18 tuổi, những ai muốn làm công chức phải gia nhập đảng cộng sản và từ bỏ tôn giáo của mình. Nhiều buổi học tập tự phê đã được các chính quyền địa phương tổ chức để tiêu hủy những sách giảng dạy đạo Hồi vì có nội dung "phản động". Những vùng đất tốt, cạnh những đường giao thông đều do người Hán nắm giữ, trong khi người Uighur được "khuyến khích" di nơi khác lập nghiệp, hoặc trồng cây bông gòn bán rẻ cho người Hán đồng bằng sản xuất vải để xuất khẩu.

Bên cạnh những phân biệt đối xử này, từ năm 2000 trở lại đây, đời sống của người Uighur xuống cấp rõ rệt. Những công việc mang lại lợi tức cao đều nằm trong tay người Hán, chênh lệch giàu nghèo thấy rõ khi ra ngoài đường phố : cửa hàng sang trọng, xe cộ đắt tiền, những ngôi nhà cửa cao tầng và đồ sộ đều là của người Hán. Người Uighur trở thành nghèo khó trên quê hương của họ. Thêm vào đó, số lượng người Hán di cư vào Tân Cương ngày càng đông, nâng tỷ lệ từ 6% năm 1949 lên trên 40% (2006). Không bao lâu nữa người Uighur sẽ trở thành thiểu số trên quê hương của họ vì Bắc Kinh đang biến Tân Cương thành khu vực đối trọng với vùng duyên hải phía đông về phát triển, nghĩa là thêm người Hán, vì mục tiêu chiến lược này không thể giao cho người Uighur bản xứ.

Những cuộc nổi dậy của người Uighur chống lại chính quyền người Hán tại Tân Cương đã có từ khi Bắc Kinh sát nhập vùng đất này vào lãnh thổ Trung Quốc năm 1949 nhưng đã nhanh chóng bị dẹp tan bằng bạo lực. Từ sau 2000, tức năm mà người Hán bắt đầu ồ ạt vào Tân Cương lập nghiệp, phong trào chống đối của người Uighur bước sang một khía quanh mới : dùng bạo lực chống lại bạo lực. Được huấn luyện và hỗ trợ bởi những tổ chức Hồi giáo cực đoan tại Afghanistan và Pakistan, những nhóm du kích quân Uighur sử dụng phương pháp khủng bố (đặt bom, ôm bom tự sát ở chốn đông người) để tấn công chính quyền và người Hán tại Tân Cương, đặc biệt là từ 2008 trở lại đây. Cho đến nay chưa có dấu hiệu nào cho thấy là phương pháp khủng bố này sẽ chấm dứt.

Điều đáng lo âu là trước sự tấn công ồ ạt và qui mô của chính quyền Pakistan và liên quân NATO tại Afghanistan vào sào huyệt của quân Taliban dọc vùng biên giới Afghanistan, tàn quân Hồi giáo

quá khích này sẽ tìm cách xâm nhập vào lãnh thổ Tân Cương để nương náu, đồng thời cũng để xây dựng những căn cứ huấn luyện quân sự mới. Nếu không tìm cách giải quyết mức sống và quyền sinh hoạt văn hóa của người Uighur ngay từ bây giờ, Trung Quốc sẽ thực sự đương đầu với khó khăn khi những nhóm khủng bố Uighur được tổ chức Al Qeada huấn luyện xong.

Tân Cương : lãnh địa riêng của một lãnh chúa

Việc Hồ Cẩm Đào, chủ tịch nhà nước Trung Quốc, vội vã rời bỏ hội nghị thượng đỉnh G20 tại Ý để về nước giải quyết cuộc nổi loạn tại Địch Hóa (Urumqi) cho thấy chính quyền trung ương Bắc Kinh không đánh giá thấp cuộc nổi dậy này. Có lẽ đây là cuộc nổi loạn gây tổn thất về nhân mạng lớn nhất tại Tân Cương từ trước đến nay : gần 200 người bị thiệt mạng.

Tại sao có nhiều người chết như thế ? Tại sao phải dùng vũ lực để dẹp loạn ? Câu trả lời là Vương Lạc Tuyền (Nur Bekri). Chính ông là người ra lệnh dùng vũ lực để dẹp loạn, xui giục người Hán truy lùng người Uighur và xử án nặng nề những người bị bắt. Hồ

Cẩm Đào đã vội vàng về nước là để ngăn không cho Vương Lạc Tuyền tiếp tục lộng hành nữa.

Theo thông lệ, một tỉnh trưởng được chỉ định cai quản một tỉnh lớn trong vài năm rồi bị thuyên chuyển đi nơi khác, nhường chỗ cho người mới. Vương Lạc Tuyền, 64 tuổi, thì lại khác, ông được chỉ định làm bí thư tỉnh ủy Tân Cương từ năm 1995 và vẫn còn tiếp tục cầm quyền cho tới nay. Có thể nói Tân Cương là vương quốc riêng của Vương Lạc Tuyền, vì tại đây ông đã tạo cho mình ngôi vị một lãnh chúa không dễ dàng bị Bắc Kinh đánh đổ.

Là người gốc Sơn Đông, vùng bờ biển phía đông, Vương Lạc Tuyền được đưa lên làm quyền tinh trưởng Tân Cương năm 1991, sau đó được Giang Trạch Dân đưa lên làm bí thư tỉnh năm 1995. Từ sau ngày đó, Vương Lạc Tuyền kêu gọi những đồng hương gốc Sơn Đông đến giúp sức và ban phát cho những chức vụ cao cấp và béo bở tại tỉnh này. Lo sợ nạn sứ quân, Hồ Cẩm Đào đã tổ chức hạ bệ Vương Lạc Tuyền trong đại hội đảng năm 2008 nhưng không thành vì Vương Lạc Tuyền đã cao tay ẩn tuyên bố đã phát hiện được một căn cứ quân khủng bố Uighur trên cao nguyên Pamir, cả đại hội liền bỏ phiếu ủng hộ Vương Lạc Tuyền tiếp tục giữ chức vụ tinh trưởng kiêm bí thư Tân Cương. Vì lãnh chúa này còn những ngày vinh quang trước mắt vì tàn quân Taliban bị đánh đuổi khỏi Pakistan và Afghanistan, đang tìm cách xâm nhập vào vùng Turkistan phương đông để lập căn cứ. Người có khả năng đẩy lùi quân khủng bố này là Vương Lạc Tuyền vì đa số các tướng lãnh trong tỉnh Tân Cương là người gốc Sơn Đông, đồng hương với ông, đang nắm giữ những chức vụ quân sự và kinh tế trọng yếu.

Vấn đề của Bắc Kinh hiện nay không phải là Vương Lạc Tuyền tiếp tục cầm quyền tại Tân Cương vô thời hạn mà là sự lạm dụng quyền hành. Bắc Kinh sẽ làm gì nếu Vương Lạc Tuyền không tuân lệnh trung ương và kêu gọi những tinh khát kết hợp với mình để chống lại trung ương ? Yếu tố này có nguy cơ trở thành hiện thực vì hiện nay các tinh lực địa rất bất mãn với trung ương vì không được nâng đỡ như các tinh duyên hải. Một nguy cơ khác là sự tranh giành ảnh hưởng giữa Hồ Cẩm Đào và Giang Trạch Dân chưa có dấu hiệu chấm dứt, phần lớn những cấp lãnh đạo miền Nam và miền Tây đều là thân tín của Giang Trạch Dân. Ngày nào Thượng Hải không chấp nhận sự áp đặt của Bắc Kinh, lãnh thổ Trung Quốc chắc chắn sẽ tách ra làm hai và ăn thua đủ với nhau.

Nguyễn Minh (Tokyo)



Vương Lạc Tuyền (Wang Lequan)

Tham luận

Một trăm triệu đô la**Phạm Việt Dinh**

Cách đây hơn một năm, công ty A của nhà nước Việt Nam mở chi nhánh kinh doanh tại một thành phố lớn Châu Âu. Để phục vụ cho việc mua bán, người ta đã thuê một khu nhà kho rộng gần 1000 m² với giá 30 Euro/m²/tháng tại khu phố thuộc loại sầm uất nhất thành phố. Trong khi đó, ngay cả các công ty cõi bự của nước sở tại cũng chỉ thuê nhà kho tại rìa thành phố với giá xấp xỉ 10 Euro/m²/tháng.

Trong một bữa nhậu, mấy nhà doanh nghiệp Việt kiều tỏ ra hết sức bất bình và thắc mắc về hành vi làm ăn có vẻ khó hiểu và ngô ng瞽 này. Bên bàn nhậu còn có mặt một cán bộ Sứ quán Việt Nam. Sau khi nghe chán chê các lời phê phán của giới doanh nhân, vị cán bộ Sứ quán tẩm tíc cười nhận xét : "Các cậu thực sự là chẳng hiểu cái quái gì ! Mấy tay phụ trách công ty là dân làm ăn, dù có ngu đến mấy chúng nó cũng biết giá 30 Euro/m² một tháng là giá cắt cổ. Nhưng chúng nó vẫn làm thì các cậu phải biết là có một lý do gì rất khác, và nằm ở một chỗ rất khác chứ không phải là ở chỗ rẻ-đắt. Không hiểu chuyện đó mà cứ tranh cãi so sánh giữa 30 Euro và 10 Euro mới là điều ngô ng瞽".

Phát biểu chí lý của một người gần như là trong cuộc đã làm sáng mắt mấy vị Việt kiều đã nhiễm thói làm ăn trắng-đen rõ ràng ở ngoại quốc. Họ quên mất nguyên tắc phổ cập của Việt Nam hiện nay là "nói vậy mà không phải là vậy", là nói A thì phải hiểu là B. Cả xã hội thi nhau làm xiếc từ trên xuống dưới. Ai nghe A mà không hiểu thành B sẽ là người nhẹ dạ. Lấy thông tin chính thống làm cơ sở luận bàn nhiều khi sẽ là điều thừa thãi đáng thương.

Mới đây, ông bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo Nguyễn Thiện Nhân công bố chủ trương vay khoảng 400 triệu Đô la Mỹ từ Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để xây dựng 4 trường đại học đẳng cấp quốc tế tại Việt Nam. Đương nhiên, tin này được hàng loạt trí thức khoa bảng và giới truyền thông Việt Nam ôn ào bàn tán.

Nhu cầu cấp bách về đào tạo nhân tài để xây dựng quốc gia là một điều không cần phải bàn cãi. Sự tụt hậu thê thảm về giáo dục, đào tạo và chất lượng của bắng cấp Việt Nam cho thấy việc xây dựng con người đã trở thành vấn đề sống còn của đất nước. Tuy vậy, với tình hình quốc gia hiện nay, lấy của dân ra 400 triệu đô la để theo đuổi ước mơ đứng vào "đẳng cấp quốc tế" là một hành vi nguy hiểm. Nhiều giáo sư, tiến sĩ trong và ngoài nước có kinh nghiệm giảng dạy đại học tại Việt Nam, trong đó có cả nguyên bộ trưởng Bộ giáo dục và đạo tạo Trần Hồng Quân tỏ ra băn khoăn hoặc là "về việc những tư duy bảo thủ sẽ cản trở tiến trình giáo dục theo khuynh hướng hội nhập", hoặc là "chưa thấy có một văn bản nào rõ ràng về vấn đề chuẩn bị nhân sự để có các giáo sư giảng dạy". Nhưng khi nhìn kỹ, người ta có quyền để khẳng định rằng những ý kiến được gọi là phản biện trên chỉ là việc "nói cho

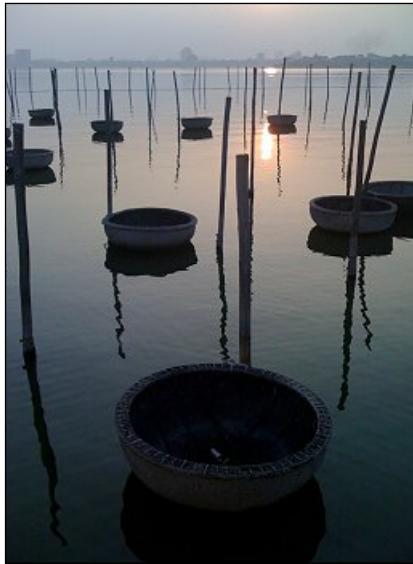
vui". Những băn khoăn này hoàn toàn không cần thiết trước những sự thật hiển nhiên mà ai cũng biết.

Một trường đại học cao cấp theo đúng nghĩa ít nhất phải hội tụ đủ ba điều kiện đào tạo : chất lượng sinh viên cao, đội ngũ giảng dạy giỏi và điều kiện vật chất dồi dào. Nhưng ai cũng biết rằng chất lượng giáo dục phổ thông ở Việt Nam hiện nay hoàn toàn không có khả năng cung cấp đủ cho các trường đại học một đội ngũ sinh viên có trình độ để hấp thụ một chương trình đại học cao cấp. Trường Đại học Việt-Đức mới mở tại Sài Gòn với sự trợ giúp của CHLB Đức sau một hồi "trống rung cờ mồ" chỉ tuyển chọn được vài chục sinh viên cho khóa đầu từ hàng ngàn thí sinh dự thi. Du học sinh Việt Nam được tuyển chọn đi học tại ngoại quốc đa số đều hết sức vất vả để theo kịp chương trình một cách hết sức khiêm tốn

Ai cũng biết rằng Việt Nam hiện nay không có khả năng tạo ra một đội ngũ cán bộ giảng dạy cho các trường đại học tầm cõi quốc tế. Ngoài một số ít giáo sư có uy tín trên những lĩnh vực đặc thù như ngôn ngữ, văn hóa dân tộc hay là trong một vài bộ môn thuần lý thuyết, Việt Nam tuyệt đối thiếu vắng những nhà khoa học lớn, những giáo sư, tiến sĩ có tiếng về khoa học kỹ thuật hay là về các môn khác của khoa học nhân văn để đảm đương những vai trò chính trong một trường đại học chất lượng cao.

Cách đây 4-5 năm, Việt Nam đứng ra chủ trì Hội nghị hóa học quốc tế nhưng hoàn toàn không có một thuyết trình khoa học nào được đánh giá cao. Từ vài năm gần đây, Việt Nam đã gửi hàng ngàn sinh viên, cán bộ khoa học đi làm bằng tiến sĩ ở nước ngoài. Nhưng, từ một tiến sĩ mới được "bóc tem" ở nước ngoài về tới một giáo sư giỏi tại một trường đại học còn là một khoảng cách khá xa và đòi hỏi hàng loạt các điều kiện khác. Hệ thống đại học Việt Nam cũng chưa thể hy vọng vào các giáo sư, tiến sĩ giỏi người Việt ở nước ngoài. Con số những người này vẫn chỉ có thể được đếm trên đầu ngón tay, và đại bộ phận vẫn chưa muôn trở về trong điều kiện hiện nay. Một vài giáo sư ngoại quốc có ý định giảng dạy "thiện nguyện" cho Việt Nam khi đã về hưu hoặc khi không còn điều kiện thi tho tài năng ở nước ngoài sẽ chỉ là ít muối bỏ bể hoàn toàn không có tác động đáng kể.

Và ai cũng biết rằng, hiện nay và trong thời gian sắp tới, Việt Nam không có khả năng cung cấp thiết bị hiện đại cho việc nghiên cứu các công trình khoa học cao cấp ở các trường đại học. Chính phủ cũng đã có lúc bỏ ra một số tiền lớn so với ngân sách quốc gia để mua sắm các thiết bị nghiên cứu cho một vài viện nghiên cứu và trường đại học trọng điểm. Cách đây khoảng mười năm, nhà nước đã chi ra vài chục triệu đô la để dựng lên 30 phòng thí nghiệm khoa học "tầm cõi Đông Nam Á". Số tiền này được dùng để mua nhiều thiết bị thuộc loại hiện đại lúc bấy giờ. Nhưng kể từ lúc mua cho đến hiện nay, phần lớn số thiết bị này đều



"năm đắp chiếu" và chỉ được mang ra lau chùi trưng dẵn khi có khách đến thăm. Lý do đơn giản là số thiết bị này và cả những nhân viên vận hành đều không có việc làm vì không có đê tài thích ứng.

Tại các nước phát triển, những công trình nghiên cứu cao cấp tại các viện khoa học và các trường đại học đều được cấp kinh phí từ những chương trình lớn của nhà nước hay là từ những hợp đồng với các công ty giàu có. Thêm vào đó là một số tiền không nhỏ từ những đóng góp thiện tâm. Cả ba điều này đều thiếu vắng ở Việt Nam. Không có các công trình nghiên cứu cao cấp, kể cả về khoa học kỹ thuật và khoa học nhân văn, thì không thể mơ tưởng đến một trường đại học cấp cao.

Ngoài vấn đề chất lượng sinh viên và cơ sở hạ tầng ban đầu, tầm cõi một trường đại học còn được thẩm định qua kinh phí hàng năm để trả lương cho giáo sư, nhân viên và chi phí cho nghiên cứu. Số tiền này cho trường đại học danh tiếng Harvard ở Mỹ là 2 tỷ đô la, và cho một trường đại học "tầm cõi trung trung" ở Đức là 200 triệu đô la một năm.

Tất nhiên, đó là con số của các nước giàu có, nhưng sau khi gắng sức vay tiền để dùng khoảng 100 triệu đô la cho việc dựng lên một trường đại học, trong thời gian trước mắt, Việt Nam không có khả năng đền chi ra một phần của lượng tiền trên để "nuôi", để vận hành một cơ sở đào tạo xứng đáng với "tầm cõi quốc tế". Nhà nước cũng không thể tiếp tục đi vay để hàng năm chi ra một số tiền tương ứng. Thiết bị công nghiệp và know-how công nghệ chủ yếu được nhập từ nước ngoài hoàn toàn không tạo ra nhu cầu có các hợp đồng nghiên cứu nhiều tiền cho các viện khoa học kỹ thuật và các trường đại học. Việc thu học phí cao chỉ có thể đặt ra với một bộ phận rất ít những gia đình giàu có. Tiền đóng góp của sinh viên sẽ chỉ là một phần rất nhỏ không thể bù đắp cho một lỗ hổng quá lớn.

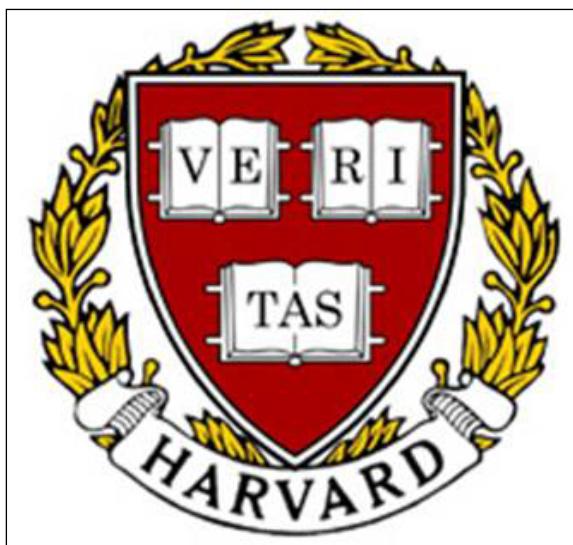
Rõ ràng, trong thời gian trung hạn, "trường đại học tầm cõi quốc tế tại Việt Nam" chỉ là một điều hoang tưởng. Nó được đưa ra và nghe có vẻ dễ lot tai trong một xã hội đang lên cơn sốt về băng cấp. Người ta phải rùng mình khi nhìn thấy từ vài năm gần đây, các trường đại học tại Việt Nam mọc lên như nấm sau cơn mưa. Từ đầu những năm 2000 lại đây, hầu như cứ một hai tháng người ta lại được đọc thông cáo thành lập trường đại học mới đủ hình đú dạng.

Ngày 26-9-2009, một trang Web của nhà nước Việt Nam đưa ra thống kê của Vụ đại học và sau đại học cho thấy : 11 trường đại học mới thành lập chưa có một giảng viên nào đạt trình độ giáo sư hay phó giáo sư; trong 22 trường đại học mới thành lập, số tiến sĩ chỉ chiếm 6,9% trong đội ngũ giảng viên. Đó



là về chất lượng giáo viên, còn điều kiện vật chất cũng không kém phần "ngạn mục". Trừ trường hợp tại một số rất ít vài trường đại học tại Hà Nội và Sài Gòn, hầu hết sinh viên tại Việt Nam đã phải ngõ ngàng và vỡ mộng sau khi vượt qua "cổng trường đại học cao vời vợi" để tiếp xúc với điều kiện trường sở, thiết bị hết sức nghèo nàn, để "học chay" và nhiều khi còn thiếu cả sách giáo khoa. Người Việt Nam có quyền tự hào về kỷ lục lập trường đại học nhanh và nhiều, nhưng hình như vẫn chưa thấy xấu hổ về khoảng cách quá xa về danh bằng và thực chất.

Điều dễ hiểu là cơn "lên đồng đại học" đã sản sinh ra giấc mơ "đại học đẳng cấp quốc tế tại Việt Nam". Và kết quả là người ta sẽ bỏ ra một lượng khổng lồ nhân lực và tài lực để lại thu về những mảnh băng mờ nhạt. Nhiều người bảo vệ cho giấc mơ này bằng luận cứ : khi các ngân hàng quốc tế cho vay tiền thì họ cũng phải biết là Việt Nam có khả năng thực thi dự án. Họ quên rằng hiệu quả của một công trình đào tạo con người cần rất nhiều thời gian để minh định, và nó cũng rất trừu tượng. Các định chế tài chính ngoại quốc không phải là chỗ ngồi của các vị thánh vô tư, họ đã chứng nhận dự án

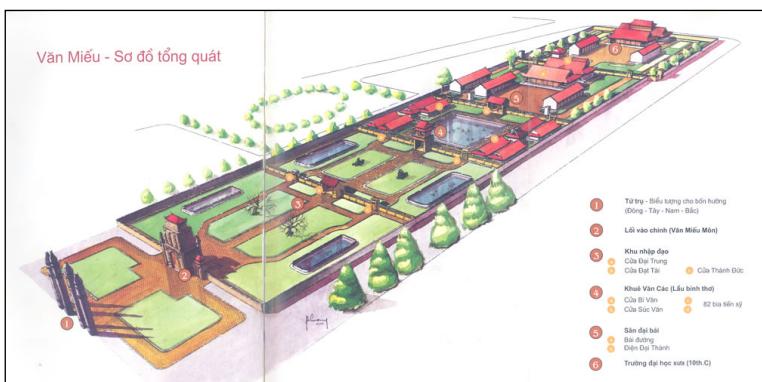


PMU 18 hoàn toàn trong sạch trong khi một đứa trẻ con ở Việt Nam cũng biết các quan chức trong và ngoài dự án đã dứt túi riêng hàng triệu đô la, và họ hoàn toàn an tâm khi biết rằng khi các "trường đại học tầm cõi quốc tế" của Việt Nam đưa ra những sản phẩm làng nhàng nội địa thì nông dân Việt Nam dù muối hay không cũng vẫn có hàng trăm triệu tấn gạo xuất khẩu để trả nợ dần.

Tất cả những điều trên là hiển nhiên. Điều khó hiểu là tại sao người ta lại phải bỏ ra nhiều công sức để phản biện một cách khá nghiêm túc một dự án chắc chắn là phá sản. Các phản biện này tuyệt đối không cần thiết

cũng như việc so sánh sự khác nhau giữa 30 Euro và 10 Euro trong phần đầu bài viết.

Trong một xã hội tù mù như ở Việt Nam, những phản biện và so sánh trên hoàn toàn đi lệch hướng. Cũng như đối với những công trình đại học nhếch nhác rào rào xuất hiện, người ta phải nghĩ ngờ là dự án bỏ ra 400 triệu đô la xây dựng bốn "trường đại học đẳng cấp quốc tế" ở Việt Nam rất ít có liên quan tới việc đào tạo nhân tài. Việc dựng trường đại học tại Việt Nam hiện nay đang đơn thuần là việc làm kinh tế kiếm lời. Con số thất thoát 30-35% từ các công trình của nhà nước đưa tới số tiền khoảng 100 triệu đô la sẽ chảy vào túi riêng các quan chức cho thấy mức độ béo bở của dự án. Trong một cơn ảo ước, con số này là một thực tế nhiều người biết, nhưng ít ai nói tới.



Phạm Việt Vinh (Berlin,

Yêu cầu Đào Duy Quát, tổng biên tập báo điện tử Đảng, vi phạm Nghị định 84/2006/NĐ-CP

Xử lý kỷ luật và xử phạt hành chính là chưa thỏa đáng !

Phạm Viết Đào

Ngày 4-9-2009, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa lên mạng bài "Hải quân Trung Quốc diễn tập tại biển Đông" (bản tin được dẫn theo báo *Hoàn Cầu, Phượng Hoàng - Trung Quốc*, với nội dung trái với lập trường của Việt Nam về chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa).

Trước đó, ngày 29-8-2009, cũng đã hiển thị trên Báo điện tử Đảng bài : "Chuyên gia Trung Quốc kiến nghị về việc 5 nước, một bên (tức Trung Quốc) tổ chức khai thác tài nguyên biển Đông - Trường Sa". Qua nội dung bài báo này cho thấy : báo điện tử Đảng đã sờn sắng đưa tin dồn dập những ý kiến dưới danh nghĩa là kiến nghị, mà thực chất là những đòi hỏi mang tính áp đặt vô lý và ngang ngược của những người có trách nhiệm phía hải quân Trung Quốc, đòi Việt Nam và 5 nước khác phải chấp nhận, nếu không sẽ dùng vũ lực.

Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam không chỉ thông tin theo quan điểm của phía Trung Quốc đối với chủ quyền lãnh hải trên biển đông. Báo điện tử Đảng còn chuyển tải giúp phía hải quân Trung Quốc thông điệp đe dọa dùng vũ lực, nếu như 5 nước này trong đó có Việt Nam không chịu chung chia với họ tài nguyên thuộc chủ quyền của quốc gia mình !

Khi cho đăng những ý kiến sau đây, xin hỏi : tổng biên tập Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam đứng về phía nào trước việc Trung Quốc đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt lãnh hải của Việt Nam và 5 nước khác ?

"Tranh chấp biển Đông - Trường Sa cần có khung giải quyết nhiều bên, tuy nhiên, Trung Quốc phải tự tìm con đường riêng để có những bước đi "đột phá" trong tiến trình thăm dò, khai thác ở biển Đông." (muốn đột phá thì chỉ có cách dùng tối vũ lực ?);

Hoặc : "Theo ông Tiết Lực, mặc dù vấn đề biển Đông hiện nay không thể giải quyết bằng vũ lực, nhưng Trung Quốc vẫn phải có một lực lượng quân sự đủ mạnh để có thể giải quyết tranh chấp khi cần thiết, đặc biệt trong tình huống Trung Quốc tự tiến hành khai thác dầu, khí tại khu vực Trường Sa..." (trích nguyên văn bài hiển thị ngày 29-8-2009, xem : <http://vn.myblog.yahoo.com/phamvietdaonv>)

Sau khi hai bài báo này bị Blog "phamvietdaonv" phát hiện và đưa lên mạng, ngay lập tức hai bài báo kể trên đã được tổng biên tập cho dỡ xóa. Trong tuần giao ban báo chí liên kê tại trụ sở Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan chức năng quản lý báo chí đã chính thức khẳng định và phê bình việc đăng tin của tổng biên tập Báo điện tử Đảng : "Đã có những sai phạm nghiêm trọng tại thời điểm nghiêm trọng...".

Căn cứ vào Bộ Luật Hình sự năm 1999 đã sửa đổi bổ sung năm 2009, căn cứ vào Luật Báo chí hiện hành, chịu trách nhiệm việc đưa tin này thuộc về tổng biên tập Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam, như vậy tổng biên tập Đào Duy Quát đã có hành vi vi phạm : "Tội xâm phạm an ninh lanh thổ được quy định tại Điều 81". Loại tội danh này, Bộ Luật Hình sự quy định về các mức hình phạt : "Người nào xâm nhập lanh thổ,

có hành động làm sai lệch đường biên giới quốc gia hoặc có hành động khác nhằm gây phương hại cho an ninh lanh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì bị phạt như sau :

1. Người tổ chức, người hoạt động đắc lực hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân.
2. Người đồng phạm khác thì bị phạt tù từ năm năm đến mươi lăm năm."

Mặc dù tổng biên tập Báo điện tử Đảng đã vi phạm nghiêm trọng Điều 81 của Bộ Luật Hình sự, nhưng công luận thấy Bộ Thông tin Truyền thông chỉ xử lý xử phạt hành chính Tổng Biên tập Đào Duy Quát 30 triệu đồng, mức cao nhất theo Mục 5 của Điều 10 của Nghị định 56/2006/NĐ-CP.

Đối với sai phạm này của ông Đào Duy Quát, cơ quan chủ quản của báo là Ban Tuyên giáo trung ương chỉ xử lý kỷ luật hành chính mức khiển trách đối với ông Đào Duy Quát - Tổng Biên tập.

Việc xử lý kỷ luật và xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực thông tin báo chí đối với ông Đào Duy Quát của

Bộ Thông tin-Truyền thông và Ban Tuyên giáo trung ương đã vi phạm các quy định pháp luật hiện hành sau đây :

A. Đối với Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông :

Bộ Thông tin và Truyền thông đã vi phạm Điều 9 của Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 2-7-2002 về việc xử lý vi phạm hành chính ; Bộ TT-TT đã không áp dụng hình thức xử phạt tăng nặng bổ sung vì Báo điện tử Đảng có 5 hành vi bị xếp vào diện phải xử lý tăng nặng

hình phạt như quy định tại Điều 9 của Pháp lệnh :

1. Vi phạm có tổ chức ;
2. Vi phạm nhiều lần trong cùng lĩnh vực hoặc tái phạm trong cùng lĩnh vực (đang liên hai bài trong ngày 29-8 và ngày 4-9-2009...) ;
5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm ;
9. Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính (tẩy xóa bài khi bị phát hiện, thanh minh linh tinh không đúng bản chất sự việc để chối bỏ trách nhiệm...).

Ngoài việc vi phạm Pháp lệnh xử phạt hành chính, Bộ TT-TT còn vi phạm Mục 6 của Điều 10 của Nghị định 56 đã quy định, khi các cá nhân đã bị xử phạt hành chính ở mức 30 triệu, tức là đã vi phạm Khoản 5 của Điều 10-Nghị định 56 thì phải áp dụng kèm theo hình thức xử phạt bổ sung được quy định tại Khoản 6 của điều 10 đó là :

Mục b của Khoản 6 quy định : "Tước quyền sử dụng thẻ nhà báo không thời hạn đối với nhà báo thực hiện hành vi quy định tại khoản 4 Điều này" (điều 10) ; khoản 4 quy định mức xử phạt từ 10 tới 20 triệu; Tổng Biên tập Đào Duy Quát của Báo Điện tử ĐCSVN bị xử phạt theo Khoản 5, mức 30 triệu, tức phải nặng hơn đối với Khoản 4".

Mục c (Điều 10) quy định: "Tước quyền sử dụng giấy phép từ 90 ngày đến 180 ngày



Đào Duy Quát,



Bờ biển và hải đảo Việt Nam

đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này".

Như vậy, Bộ TT-TT còn vi phạm thêm khoản 6 Điều 10 của Nghị định 56, do việc bỏ qua các hình phạt bổ sung bắt buộc phải áp dụng như luật định đối với các hành vi đã có tới 5 tình tiết tăng nặng đối với ông Đào Duy Quát, tổng biên tập Báo điện tử Đảng và những người có liên quan.

B. Đối với Trưởng ban Tuyên giáo trung ương :

Căn cứ vào Nghị định 84/2006/NĐ-CP quy định về việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ công chức ; tại Điều 18 các hình thức xử lý kỷ luật đã được quy định như sau :

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 84 quy định việc xử lý kỷ luật theo một trong các hình thức sau đây :

- a) Khiển trách ;
- b) Cảnh cáo ;
- c) Hỗn bậc lương ;
- d) Hỗn ngạch ;
- e) Cách chức ;
- f) Buộc thôi việc.

Tại Điều 19. Áp dụng hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật :

1. Hình thức khiển trách áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm lần đầu phải bồi thường thiệt hại đến 5.000.000 đồng/lần xét bồi thường ;

3. Hình thức hỗn bậc lương áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật cảnh cáo nhưng tái phạm hoặc các đối tượng vi phạm lần đầu gây lỗ hổng phải bồi thường thiệt hại từ trên 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/lần xét bồi thường...

Căn cứ vào các quy định kể trên của Nghị định 84, việc xử phạt ông Đào Duy Quát ở mức khiển trách là vi phạm pháp luật. Mức độ bị xử phạt trong lĩnh vực chuyên ngành 30 triệu đồng phải tương đương với mức kỷ luật hành chính : hỗn bậc lương kèm hình thức cảnh cáo.

Việc áp dụng sai luật này thuộc phạm vi trách nhiệm của Trưởng ban Tuyên giáo trung ương ?

C. Yêu cầu :

1. Với tư cách công dân và là người phát hiện ra vụ vi phạm pháp luật về tội xâm phạm an ninh lanh thổ của tổng biên tập Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam Đào Duy Quát, tôi yêu cầu ông Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, ông Trưởng ban Tuyên giáo TW chấp hành nghiêm minh các quy định của pháp luật hiện hành trong vụ việc xử lý các vi phạm của ông Đào Duy Quát !

2. Yêu cầu Bộ Thông tin và Truyền thông và Ban Tuyên giáo trung ương có hình thức khen thưởng thích đáng đối với nhà văn Phạm Viết Đào (tác giả bài viết này), người đã có thành tích trong việc góp phần bảo vệ an ninh và chủ quyền lãnh thổ quốc gia qua việc phát hiện các sai phạm của ông Đào Duy Quát, xử phạt và thu về cho nhà nước 30 triệu đồng.

3. Trên tinh thần thượng tôn luật pháp, là người am hiểu kỹ các định chế về khiếu nại tố cáo, về thông tin báo chí, về trách nhiệm pháp lý của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành báo chí và trách nhiệm pháp lý của cơ quan chủ quản của đơn vị báo chí, chúng tôi nêu lên ba yêu cầu kể trên. Nếu các yêu cầu này của cá nhân không được đáp ứng, với quyền công dân của mình, tôi sẽ yêu cầu các định chế pháp luật hiện hành vào cuộc để xử lý các hành vi vi phạm của ông Đào Duy Quát - tổng biên tập báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam.



Nhà văn Phạm Viết Đào

Nguồn: Pham Viet Dao's Blog

THÔNG ĐIỆP NHÂN QUYỀN

Việc sinh viên du học Hồ Quang Phương bị cảnh sát thành phố San Jose đánh đập dã gay ném một làn sóng công phẫn trong các cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ.

Ngày 27-10-2009, khoảng 100 người Việt Nam đã kéo tới tòa thị sảnh thành phố San Jose (California, Hoa Kỳ) phản đối hành động tàn bạo của cảnh sát San Jose.



Sinh Viên Hồ Quang Phương

Sinh viên Hồ Quang Phương, nguyên là học sinh trường Lê Hồng Phong (Petrus Ký cũ, Sài Gòn), đang theo học năm thứ 3 ban Toán tại San Jose University. Vào tối ngày 3-9, anh Phương bức mìn vì bị một người chia phòng với mình làm bẩn nước vào miếng thịt đang cắt, đã giơ con dao đang cầm trong tay và nói rằng nếu ở

Việt Nam thì hắn đã có thể chết bởi con dao này. Nghĩ rằng mình bị đe dọa, người chia phòng với anh đã kêu cảnh sát. Một ít phút sau, 4 viên cảnh sát tới và bắt Phương. Có thể cảnh sát cho rằng Phương có ý định chống lại nên đã dùng súng điện và đánh Phương rất dã man. Một sinh viên cùng phòng khác đã dùng điện thoại thu được khúc phim đòn áp thô bạo này.

Hay tin này, cộng đồng người Việt ở Mỹ đã phản ứng mạnh mẽ. Dân biểu tiểu bang California Trần Thái Văn, giám sát viên quận Orange County Janet Nguyễn và nghị Viên Garden Grove Andrew Đỗ đã gửi văn thư phản đối đến các cơ quan thẩm quyền như thị trưởng thành phố San Jose, chánh biện lý Dolores Carr của quận Santa Clara.

Các cơ quan truyền thông của người Việt hải ngoại đều nhất loạt lên tiếng đòi chính quyền San Jose phải dừng phạt bốn cảnh sát viên bạo hành anh Phương. Các đài phát thanh Việt ngữ RFI và BBC cũng loan tin và bình luận. Qua phản ứng nhanh chóng và nhiệt thành, cộng đồng người Việt hải ngoại đã chứng tỏ bản lanh dân chủ và lương tri nhân quyền của mình. Qua hành động này chúng ta đã nói với đồng bào trong nước rằng chúng ta luôn luôn chống lại mọi hành vi chống lại quyền sống có nhân phẩm của con người, bất kể nó xuất phát từ đâu : từ Hoa Kỳ hay từ Việt Nam, từ chế độ chuyên chế hay từ chế độ dân chủ, kể cả chế độ được coi là dân chủ nhất thế giới.

Từ bao nhiêu năm nay guồng máy tuyên truyền của chính quyền cộng sản Việt Nam cứ khoác cho người Việt hải ngoại những chiếc áo nào là "chống dân tộc", "chống tổ quốc", "kỳ thị người trong nước", nghĩa là gieo tiếng ác cho người Việt định cư ở nước ngoài. Chế độ cộng sản Việt Nam đã qui kết các nỗ lực tranh đấu cho nhân quyền của các tổ chức dân chủ ở hải ngoại là "chống dân tộc, chống tổ quốc" trong mục đích biến những tổ chức chống cộng trở thành tổ chức chống đất nước.

Nếu chế độ cộng sản Việt Nam có tự do dân chủ thì các tổ chức chống cộng đương nhiên không còn đất sống. Vì bản chất của chế độ cộng sản là độc tài toàn trị nên chống độc tài toàn trị là phải chống cộng.

Các sinh viên Việt Nam du học ở Hoa Kỳ hầu hết đều không chịu trở về nước chỉ vì một lý do giản dị là ở đất nước xa lạ này các cộng đồng Việt hải ngoại đã đón nhận họ, yêu quý họ, bảo vệ họ còn hơn cả nhà nước xã hội chủ nghĩa cũ của họ. Riêng tại thành phố Houston, hàng ngàn sinh viên Việt du học từ bao nhiêu năm nay đã được cộng đồng người Việt ở đây mở rộng vòng tay đón nhận, họ đã hòa nhập vào dòng chảy của sinh viên.

Báo chí trong nước, Bộ Ngoại Giao Việt Nam có lén tiếng đấy nhưng rõ ràng chỉ có mục đích tuyên truyền, mục đích dân vận và mục đích "đánh" Mỹ để chữa cháy cho các hành vi đòn áp nhân quyền của mình.

Nếu chính quyền Việt Nam thực tâm bảo vệ công dân của mình thì họ đã không nín thinh khi người Việt ở Trung Quốc, ở Đài Loan, ở Hàn Quốc... bị khinh rẻ, bạo hành tàn nhẫn.

Nếu chính quyền Việt Nam dám chống lại các hành động bắt cóc, hành hạ, đòi tiền chuộc các ngư phủ ta trong khi họ đánh cá ngay trên lãnh thổ Việt Nam của chính quyền Trung Quốc thì nhân dân Việt đã không chịu nhục như ngày nay.

Lê Duy Nhân (Nam Cali)

Tham luận**Cuộc tranh giành quyền lực trong hậu trường****Nguyễn Văn Huỳ**

Cách đề cử nhân sự vào các chức vụ trong ban chấp hành trung ương của đảng cộng sản Việt Nam cho đến nay vẫn còn là một bí ẩn. Tuy nhiên từ hơn mười năm qua, nếu chịu khó quan sát, người ta vẫn có thể dự đoán một cách chính xác thành phần nhân sự được phân bổ vào các chức vụ quan trọng trong trung ương đảng và chính phủ.

Lý do là từ đầu thập niên 1990 đến nay, sau khi khối Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, số người thực sự nắm vận mạng của đảng và nhà nước, được gọi một cách ân tình là những nhà "cách mạng lão thành", thưa thớt dần vì tuổi già hay không còn nữa. Đây là những người đã góp phần xương máu trực tiếp vào việc tiến chiếm chính quyền và áp đặt chế độ cộng sản, hay đã lập nhiều thành tích đáng kể để duy trì vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản trên toàn quốc. Những cấp lãnh đạo "trẻ" trong guồng máy đảng và nhà nước cộng sản hiện nay không có hào quang đó, nhưng không ai biết bằng cách nào họ đã đạt được những địa vị cao nhất đó.

Có dư luận cho rằng sự phân chia quyền lực trong đảng và nhà nước là tùy theo địa phương, Nam Trung Bắc phải đê huề. Đặc biệt là trong ba chức vụ cao nhất nước : tổng bí thư đảng cộng sản, chủ tịch nước, thủ tướng chính phủ phải là người của ba miền, chẳng hạn như Đỗ Mười, tổng bí thư, là người miền Bắc, Lê Đức Anh, chủ tịch nước là người miền Trung, Võ Văn Kiệt, thủ tướng chính phủ là người miền Nam, v.v. Trước đó là các ông Lê Đức Thọ (miền Bắc), Lê Duẩn (miền Trung), Phạm Hùng (miền Nam). Đi xa hơn, người ta còn nói trong mỗi cơ quan, quốc hội cũng như các bộ và ngành, lúc nào các chức vụ cũng phải phân chia đồng đều theo nguồn gốc địa phương xuất thân như vừa kể.

Dư luận khác thì nói sự phân chia quyền lực tùy theo khuynh hướng đang lên trong giai đoạn đó, chẳng hạn như khuynh hướng thân Liên Xô, thân Trung Quốc hay thân phương Tây, như phe Trường Chinh thân Trung Quốc, phe Phạm Văn Đồng thân Liên Xô, phe Võ Nguyên Giáp thân phương Tây, v.v. Gần đây chỉ còn hai khuynh hướng : thân Trung Quốc và thân phương Tây (đồng nghĩa với thân Hoa Kỳ).

Trước đại hội 10 (2006), dư luận còn tiên đoán sự phân chia quyền lực trong nội bộ đảng dựa trên thế lực kinh tế : sức mạnh kinh tế của miền Nam đã quá vượt trội nên các chức vụ cao nhất nước thuộc về những cấp lãnh đạo miền Nam, chẳng hạn như chủ tịch nước là Nguyễn Minh Triết (Sông Bé), thủ tướng chính phủ là Nguyễn Tấn Dũng (người gốc Kiên Giang, từng nắm giữ những chức vụ kinh tế tài chính quan trọng : thông đốc ngân hàng nhà nước và trưởng ban kinh tế trung ương đảng), thường trực ban bí thư trung ương Trương Tấn Sang (Sài Gòn). Sở dĩ chức tổng bí thư giao cho ông Nông Đức Mạnh vì có tranh chấp giữa Nguyễn Minh Triết và Trương Tấn Sang ; ông Mạnh được đánh giá là một người hiền lành, không có tham vọng cao nên không đe dọa ai, v.v.

Trong thực tế, sự phân chia quyền lực và quyền lợi trong nội bộ đảng và nhà nước Việt Nam khá giản dị : tất cả đều phải có người đỡ đầu (mentor) chứ không do một khuynh hướng địa phương hay chính trị chủ yếu nào. Người đỡ đầu ở đây không có nghĩa là một người cụ thể nào, mà là một nhóm quyền lực. Trong nhóm quyền lực này, những thành viên có thể là những người ưa nhau nhưng biết chia sẻ quyền lợi đồng đều cho nhau để cùng tồn tại, mà đảng cộng sản và Hồ Chí Minh là sợi dây liên kết. Khi có tranh chấp, tất cả đều

sử dụng lá bài thành tích của đảng và hình ảnh Hồ Chí Minh làm biểu tượng đoàn kết.

Trước kia, trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, từ 1951-1960, nhóm quyền lực mạnh nhất trong đảng là Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Hùng và Lê Đức Thọ. Sang thời kỳ tiến chiếm miền Nam, từ 1960 đến 1976, nhóm quyền lực trong đảng là Lê Duẩn, Lê Đức Thọ và Phạm Hùng. Sau khi thống nhất đất nước, từ 1976 đến 1982, nhóm quyền lực là bộ ba Lê Duẩn, Lê Đức Thọ và Nguyễn Văn Linh, trong giai đoạn này hai người được chọn để đưa vào nhóm quyền lực là Đỗ Mười và Võ Văn Kiệt với tư cách là ủy viên dự khuyết bộ chính trị. Sang giai đoạn từ 1982 đến 1986, bộ ba nắm giữ quyền lực vẫn là Lê Duẩn, Lê Đức Thọ và Nguyễn Văn Linh, với Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt và Lê Đức Anh được cử làm phụ tá để chuẩn bị nối nghiệp. Lê Duẩn mất năm 1986 và Lê Đức Thọ mất năm 1990. Trong giai đoạn từ 1986 đến 1991, Nguyễn Văn Linh bị lu mờ trước Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt và

Lê Đức Anh, ba người do Lê Đức Thọ đưa lên để lãnh đạo đảng và nhà nước. Từ 1991 đến nay, trừ Võ Văn Kiệt vừa qua đời (2008), trung tâm quyền lực này ngày càng được củng cố với những thành phần trẻ : Nguyễn Tấn Dũng và Trương Tấn Sang (vào bộ chính trị năm 1996), Nguyễn Minh Triết (vào bộ chính trị năm 1997), cả ba người này đều do Lê Đức Anh (về hưu năm 1997) đỡ đầu. Cánh Đỗ Mười và Võ Văn Kiệt suy yếu dần và không còn được nhắc tới nữa.

Phác họa trên chỉ là mô tả giản lược của một tiến trình phân phát quyền lực phức tạp, vì càng đi sâu vào tổ chức đảng cộng sản càng thấy sự rườm rà, đan chéo quyền lực chằng chịt giữa các phe phái và khuynh hướng đang lên hay đang xuống.

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã có gần 80 tuổi đời và 65 năm kinh nghiệm cầm quyền. Sự lâu dài này là một ngoại lệ vì chưa bao giờ Việt Nam có một tổ chức chính trị có kinh nghiệm cầm quyền lâu dài đến thế. Sự lâu bền này không phải tinh cờ, nó là cả một quá trình thích nghi và thích ứng liên tục với thời thế và nhân sự trong nội bộ của những người lãnh đạo đảng. Có những khuôn mặt sáng chói một thời bỗng nhiên bị tắt lịm trong im lặng không ai biết, đó là trường hợp của các ông Trường Chinh, Trần Xuân Bách, Nguyễn Văn Linh, Đoàn Khuê, Đào Duy Tùng, Lê Khả Phiêu, Nguyễn Khoa Điềm, v.v.

Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên danh nghĩa là một chế độ công hòa, nhưng trong thực tế nó là một thể chế độc tài, độc đảng. Chính vì thế sẽ không bao giờ có đa nguyên đa đảng như dư luận trông đợi, vì theo cách tổ chức chính trị hiện nay không có chỗ đứng nào cho một đảng phái chính trị khác ngoài đảng cộng sản, Điều 4 hiến pháp khẳng định thực tế này. Cũng nên biết hệ thống tổ chức của đảng cộng sản được thành lập song hành với hệ thống tổ chức hành chánh của nhà nước, và người quyết định sau cùng là đảng. Nói tóm lại, đảng cộng sản lãnh đạo tất cả, từ nhà nước đến các đoàn thể ngoại vi (mặt trận tổ quốc, tổng công đoàn, hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, v.v.) thông qua các ban cán sự đảng và đảng đoàn có nhiệm vụ lãnh đạo các thành viên trong tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của đảng. Đối với các tổ chức quần chúng (hội đoàn tôn giáo, võ thuật, văn hóa và các tổng công ty), tùy theo tầm vóc của mỗi đoàn thể mà đảng cử nhiều hay ít cán bộ để quản lý.

Trong quân đội và công an cũng thế, người của đảng nắm quyền quyết định cuối cùng. Đảng ủy quân sự trung ương (quân ủy trung ương) và đảng ủy công an trung ương gồm một số ủy viên trong ban chấp hành trung ương công tác trong và ngoài quân đội và công an,

**Lê Đức Anh***vietnamnet**www.vietnamnet.vn**vn</i*

do bộ chính trị và ban bí thư chỉ định. Mỗi đơn vị quân sự và công an đều có đảng ủy riêng, từ quân khu, các binh chủng, các đơn vị chủ lực và biên phòng đến các đơn vị quân sự cấp tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã đối với quân đội và các đơn vị công an cấp tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã.

Vì là đảng độc quyền lãnh đạo, sự phân chia quyền lực và quyền lợi trong nội bộ đảng phải rất phân minh, nếu không sẽ lâm vào bế tắc, thí dụ như những lần họp chọn nhân sự vào ban chấp hành trung ương trong các đại hội đại biểu toàn quốc khóa 9 (2001) và 10 (2006). Lý do của sự trì trệ trong việc chỉ định nhân sự vào các chức vụ lãnh đạo là nhóm quyền lực, lúc đó là các ông Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt và Đỗ Mười, quá yếu. Sự trì trệ này vẫn còn kéo dài cho tới hôm nay. Hội nghị trung ương 11 khóa 1 giữa tháng 10-2009 vừa qua là một thí dụ khác : thành phần nhân sự lãnh đạo đảng trong đại hội đảng lần thứ 11 sẽ nhóm họp vào năm 2010 vẫn chưa ngã ngũ.

Cũng nên biết cơ quan lãnh đạo cao nhất của đảng là đại hội đại biểu toàn quốc, cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp (đảng bộ và chi bộ) là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của đảng là ban chấp hành trung ương, ở mỗi cấp (ủy) là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ. Mỗi cấp ủy có ban thường vụ riêng. Chỉ ban chấp hành trung ương mới có quyền bầu ra bộ chính trị, thành lập ban bí thư. Đại hội đại biểu toàn quốc 2006 đã bầu ban chấp hành trung ương khóa 10 gồm 160 thành viên, những người này đã bầu ra bộ chính trị gồm 14 thành viên. Phụ tá bộ chính trị và ban bí thư là những ban trung ương đặc trách tổ chức, tuyên giáo, bảo vệ chính trị, tư tưởng văn hóa, nội chính, kinh tế, khoa giáo, dân vận, tài chính quản trị, kiểm tra, cán sự đảng ngoài nước và văn phòng trung ương đảng.

Những thành viên bộ chính trị bầu ra ban bí thư và để cử một người đảm nhiệm chức vụ thường trực ban thường trực, hiện nay là ông Trương Tấn Sang. Nếu quan sát kỹ thành phần nhân sự trong ban bí thư này, người ta có thể biết quyền lực nằm trong phe nhóm nào hay trong tay ai. Tiếp theo sau là cả một quá trình thương lượng giữa các khuynh hướng khác nhau trong nội bộ đảng để phân bổ vào các ban tham mưu đầu não cấp trung ương, đứng đầu và quan trọng nhất là ban tổ chức trung ương. Nói thẳng ra, người lãnh đạo ban này cũng là người được tín cẩn, có nhiều ảnh hưởng trong đảng và nhà nước, hiện nay là ông Hồ Đức Việt. Kể đến là ban tuyên giáo trung ương hiện nay do ông Tô Huy Rứa đứng đầu. Nếu không có một biến cố quan trọng nào xảy ra, ba nhân vật này có thể sẽ là nhóm quyền lực mới trong đảng cộng sản Việt Nam.

Khác với những nhân vật trong ban lãnh đạo trước, Trương Tấn Sang là một người cờ sở, nắm vững địa bàn Sài Gòn, trung tâm kinh tế của đất nước, do đó có nhiều quan hệ với những nhóm thế lực địa phương ở miền Nam, đặc biệt là vùng đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh duyên hải miền Trung và Tây Nguyên. Hai ông Hồ Đức Việt và Tô Huy Rứa là những trí thức trẻ trong bộ chính trị, niềm hy vọng mới của đảng cộng sản, có khả năng thích ứng với trào lưu toàn cầu hóa trên thế giới. Dưới ảnh hưởng của ba nhân vật này là các bí thư thành ủy Sài Gòn và Hà Nội, và các tỉnh ủy địa phương, đa số là người miền Nam.

Ai là người đỡ đầu những nhân vật này vào trung ương đảng và bộ chính trị ?

Trong thời kỳ chiến tranh chống Pháp (1945-1954) và tiến chiếm miền Nam (1960-1975), người nắm quyền lực trong đảng là Lê Đức Thọ. Tuy Lê Duẩn, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Hùng có giữ nhiều chức vụ nổi quan trọng nhưng không nắm ban tổ chức trung ương nên không có khả năng tổ chức mạng lưới nhân sự khắp nơi. Sở dĩ Lê Đức Thọ có toàn quyền quyết định trong đảng vì ông là một người thông minh, có óc tổ chức và có tầm nhìn chiến lược nên rất được nể trọng, thêm vào đó anh em của ông, như Đinh Đức Thiện,

Đồng Sỹ Nguyên, Mai Chí Thọ, là những cấp tướng tham gia trực tiếp vào cuộc chiến ở miền Nam. Quyền uy của ông trong đảng rất lớn nên gần như tất cả các chức vụ quan trọng trong đảng phải có sự đồng ý của ông. Mặc dù được sự cố vấn và giúp đỡ của những nhân vật khác trong bộ chính trị, chính Lê Đức Thọ tuyển chọn những người kế vị mình để nắm vai trò lãnh đạo trong đảng. Năm 1986, Lê Đức Thọ đã đưa các ông Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Lê Đức Anh vào bộ chính trị và sau đó loại trừ các ông Trần Xuân Bách và Nguyễn Văn Linh ra khỏi những chức vụ lãnh đạo. Sau khi Lê Đức Thọ qua đời (1990), ba người này thay ông đảm nhiệm vai trò lãnh đạo đảng và tuyển chọn người

duy trì quyền lãnh đạo của đảng : Lê Khả Phiêu (1993), Nguyễn Tấn Dũng (1996), Nguyễn Minh Triết (1997), Trương Tấn Sang (1996).

Trong thực tế, từ sau 1990, chính Lê Đức Anh là người có tiếng nói cuối trong những quyết định quan trọng liên quan đến sự chọn lựa người lãnh đạo đảng cộng sản. Lê Đức Anh là một người đã từng

vào sinh ra tử và có một đời sống trong sạch hơn những người có địa vị khác nên rất được sự mến mộ của những đảng viên trẻ, đặc biệt là quân đội. Đỗ Mười và Võ Văn Kiệt tuy cũng có công bảo vệ đảng nhưng không có hào quang của một vị tướng chỉ huy chiến trường nên chỉ đóng vai trò cố vấn Lê Đức Anh mà thôi. Mặc dù vậy dư luận ít biết đến Lê Đức Anh vì ông thích hoạt động trong bóng tối, rất ít xuất hiện trước đám đông. Một yếu tố khác quyết định vai trò lãnh đạo của Lê Đức Anh là ông nắm giữ Tổng Cục II, đây là cơ quan tình báo quân đội thuộc bộ quốc phòng nhưng lại theo dõi tất cả mọi hoạt động của các đảng viên cao cấp trong các tổ chức đảng, từ chính quyền đến quân đội và công an.

Nhìn lại bốn nhân vật được Lê Đức Anh cất nhắc, tất cả đều là chỗ quen biết thân tình hoặc là phụ tá của ông trước kia. Nhân vật được Lê Đức Anh nâng đỡ nhất là Lê Khả Phiêu, đệ tử ruột của ông trên chiến trường Kampuchia (1979-1988), lên làm tổng bí thư năm 1997 nhưng không được tín nhiệm trong nhiệm kỳ sau. Ba nhân vật còn lại, Nguyễn Tấn Dũng trước kia được Võ Văn Kiệt đỡ đầu sau đó được Lê Đức Anh đỡ xú như một người cha, nghĩa là được nâng đỡ tối đa để thành đạt ; Nguyễn Minh Triết gần như là người con trong nhà, được Lê Đức Anh tận tình giúp đỡ lúc còn ở Sông Bé ; Trương Tấn Sang là một người có bản lãnh, có tài giao tiếp nên rất được lòng các cấp lãnh đạo miền Nam nên được Lê Đức Anh đặc biệt ưu ái, coi như người nhà.

Vấn đề là Lê Đức Anh năm nay đã gần 90 tuổi, không thể tiếp tục can thiệp vào sự tuyển chọn nhân sự vào những chức vụ cao cấp nhất trong đảng mặc dù uy tín của ông vẫn còn. Một vấn đề khác là ba ông Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Minh Triết và Trương Tấn Sang đều có cùng tham vọng nắm quyền lãnh đạo đảng nhưng không có hào quang của Lê Đức Anh, nên sẽ rất chật vật trong việc kéo bè kết đảng sau lưng mình để nắm quyền lãnh đạo trong đảng. Chính vì thế các ông Hồ Đức Việt và Tô Huy Rứa đang rất có giá vì phe nào cũng muốn lôi kéo về phía mình. Bên cạnh đó, ông Nguyễn Văn Chi, trưởng ban bảo vệ chính trị nội bộ trung ương khóa 9 và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trung ương khóa 10, là một ngôi sao đang lên. Nhưng cho dù có thế nào, Trương Tấn Sang vẫn là lá bài sáng giá nhất vì, mặc dù mang nhiều tai tiếng, là người từ đất ngoại lén, dám làm và dám nói những gì mà ông thấy đúng, hơn nữa ông nắm vững địa bàn kinh tế miền Nam. Trong khi các ông Nguyễn Tấn Dũng và Nguyễn Minh Triết được dư luận đánh giá là "con cháu các cụ", nghĩa là được nâng đỡ chứ không có thực tài, nên ít được đa số đảng viên và quân đội nể phục.

Một sự thật đáng buồn là quyền lợi của đất nước không có chỗ đứng trong cuộc tranh giành quyền lực ở cấp cao nhất trong đảng cộng sản. Tất cả những liên minh hay kết hợp trong hậu trường này đều chỉ nhằm củng cố và kéo dài vô thời hạn vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản chứ không phải vì tương lai đất nước.

Nguyễn Văn Huy



ĐỒNG BÀO XÀO LĂN

Bạn tôi rất lo âu về tình trạng biến hóa rối loạn của tiếng Việt. Theo hắn càng ngày càng có sự xa cách giữa tiếng Việt nói và tiếng Việt viết, giữa ngôn ngữ chính thức và ngôn ngữ chính thực, tiếng Việt trong nước và tiếng Việt hải ngoại. Hắn cho tôi một vài thí dụ về các từ cần được hiểu rõ đúng đắn.

GDP là một từ mới của tiếng Việt, phát âm là *gê-dê-pê*, hoặc *gi-di-pi* nếu muốn tỏ ra có trình độ. GDP là một con số thường được đưa ra khi nói về kinh tế. Đại bộ phận quan chức, kể cả các quan chức ngành kinh tế tài chính, không biết nó được tính như thế nào, chỉ biết là theo đảng và nhà nước nó vẫn không ngừng gia tăng, năm nay tăng 6%. Đặc điểm của GDP là nó cao cả và thiêng liêng, cho nên sự gia tăng của nó biện minh cho tất cả. GDP tăng có nghĩa là mọi việc chính quyền làm đều tốt, dù là bịt miệng đổi lập, bắt người trái phép, xử án thô bạo, dùng bọn đầu gấu đánh đập những người dân chủ, bóc lột công nhân dã man, tham nhũng, phá hoại môi trường, làm mất đất, mất biển v.v.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng của chế độ Cộng Hòa Xã Hồi Chủ Nghĩa Việt Nam, là điều phải kiên định dù trong gần hai mươi năm qua không còn một cuốn sách mới nào nói về nó nữa và các sách cũ đã biến mất. Không còn ai biết chủ nghĩa Mác-Lênin là gì nhưng chỉ nên kiên định chứ không nên hỏi các cấp lãnh đạo, rất có thể bị coi là một dấu hiệu chống đối. Nhất là không nên nói tới chủ nghĩa Mác-Lênin, dù là để chê hay khen. Nếu chê thì bị coi là phản động, chống nhà nước và bị trù dập, có thể bị đi tù ; nếu khen thì bị coi là nói xô xiên, nói dểu, cung bị trù dập và càng dễ vào tù.

Tư tưởng Hồ Chí Minh gần giống như chủ nghĩa Mác-Lênin. Có hàng tấn sách và bài viết về tư tưởng Hồ Chí Minh nhưng không có một tài liệu nào định nghĩa nó là gì và gồm những gì ; chỉ có những sách và bài viết chung quanh tư tưởng Hồ Chí Minh, thí dụ như "Tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục" (học tập tốt, giữ vệ sinh thật tốt). Tư tưởng Hồ Chí Minh nhiều khi được coi là đồng nghĩa với đạo đức Hồ Chí Minh ; ông Hồ Chí Minh từng được mô tả trong hai cuốn sách của hai tác giả Trần Dân Tiên và T. Lan như là một con người giản dị, khiêm tốn không thích nói về mình. Cũng giống như chủ nghĩa Mác-Lênin, không ai cần biết tư tưởng Hồ Chí Minh là gì mà chỉ cần kiên định. Đó cũng là điều không nên nói tới vì lý do an ninh, dù để khen hay chê.

Dân là người làm chủ tập thể đất nước, có bổn phận phải phục tùng tuyệt đối chính quyền, người đầy tớ trung thành của nhân dân. Quan hệ giữa chính quyền và dân thường được so sánh với quan hệ giữa cha và con hay giữa chủ và chó. Người dân không được chỉ trích chính quyền vì con không chê nhà khó, chó không chê chủ nghèo. Chủ có thể ăn thịt chó nhưng chó không được quyền than trách. Than phiền rằng ra nước ngoài như thấy xấu hổ vì nước ta thua kém, dân ta không có tự do như tên Ngô Quang Kiệt nào đó ,hay đòi phản biện như bọn IDS là sai, là xấu, là không biết hoặc, nghiêm trọng hơn, không chịu làm chó và xứng đáng bị trừng trị. Cần lưu ý là tuy phải phục tùng chính quyền và phải nói leo theo chính quyền nhưng dân không được quyền nói một số điều mà chính quyền thường nói như tham



MỤC LỤC

- 01. Chúi đầu vào đống cát để không nhìn thấy bể tắc Thông Luận
- 02. 9-11-1989 : hồi ức một đêm lịch sử Nguyễn Gia Kiêng
- 05. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên không chống cộng Việt Hoàng
- 06. Bệnh cuồng hãi và tinh thần nhân sĩ Nguyễn Gia Thường
- 08. Bảo vệ Tân Cương : một thử thách lớn đối với Bắc Kinh Nguyễn Minh
- 10. Một trăm triệu đô-la Phạm Việt Vinh
- 12. Xử lý kỷ luật và xử phạt hành chính là chưa thỏa đáng Phạm Viết Đào
- 13. Thông điệp nhân quyền Lê Duy Nhàn
- 14. Cuộc tranh giành quyền lực trong hậu trường Nguyễn Văn Huỳ
- 16. Đồng bào xào lăn Đây

nhưng là hút máu nhân dân, Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam v.v. Nói những điều này có thể bị coi là tuyên truyền chống nhà nước và bị phạt tù chiếu theo Điều 88 bộ luật hình sự.

Đồng bào là tính từ để chỉ một loài heo (hay lợn) đen và nhỏ, lưng cong, bụng lớn, ít mỡ, thịt nạc và ngon, thường được dùng làm món nhậu. Trước đây do đồng bào thuộc các sắc tộc thiểu số ở miền núi nuôi và được gọi là heo núi hoặc heo mọi, ngày nay được gọi là "heo đồng bào dân tộc ít người", gọi tắt là "heo đồng bào". Món nhậu được ưa chuộng nhất của heo đồng bào là xào lăn, được gọi là heo đồng bào xào lăn, hay đồng bào xào lăn.

Nông dân có nghĩa là người nông cạn, ít học, ít hiểu biết, thí dụ "văn hóa nông dân" có nghĩa là văn hóa thấp và nghèo. (Trước đây "nông dân" còn có nghĩa là người làm nghề trồng trọt và chăn nuôi). Về nguồn gốc của từ nông dân có nhiều lập luận khác nhau. Theo một số học giả "nông" có nghĩa là nông cạn, dân là người không có địa vị gì đặc biệt cho nên một cách tự nhiên "nông dân" có nghĩa người nông cạn hép hòi. Một số nhà nghiên cứu không nhất trí với giải thích này, theo họ từ "nông dân" với nghĩa mới này xuất phát từ tên ông Nông Đức Mạnh, tổng bí thư đảng cộng sản và nhân vật có quyền lực cao nhất nước. "Nông dân" có nghĩa là "dân của Nông Đức Mạnh" và vì thế có nghĩa là ngu si đần độn, bản thân ông Nông Đức Mạnh được coi là tài dã nông đức lại không mạnh.

Đảng viên là người gia nhập một chính đảng. Bình thường "đảng viên" được dùng kèm theo tên của một chính đảng, thí dụ đảng viên đảng Dân Chủ Mỹ, đảng viên đảng Xã Hội Pháp v.v. Từ "đảng viên" khi dùng không kèm theo tên một chính đảng nào có nghĩa là đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam, thí dụ "anh ấy tuy là đảng viên nhưng là người tốt".

Đây